

CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 7

TRÚC ĐẠO SANH

Ngài Đạo Sanh họ Ngụy người Cự Lộc, cư ngụ tại Bành Thành, gia tộc trải qua bao đời làm quan trong triều. Cha làm quan huyện Quảng Thích, được người dân trong làng tôn xưng là thiện nhân. Đạo Sanh thuở nhỏ thông minh đỉnh ngộ, tuệ giải như thần. Cha Ngài biết con mình là bậc phi phàm nên rất mực thương yêu và quý trọng. Sau này gặp được Trúc Pháp Thái liền bỏ tục quy y, xuất gia học Phật pháp, làm một bậc Sa-môn lỗi lạc, kỳ diệu, nghiên tầm sâu sắc, nghĩa câu thì tự khai mở. Cho nên trong những năm còn đi học mà đã thắng tòa thuyết pháp. Những lời vấn đáp biện luận trong sáng như ngọc châu. Dẫn cho những bậc học tăng và danh sĩ lỗi lạc đương thời cũng cùng lý hết lời nên không ai dám đối đáp. Đến tuổi thọ giới cụ túc thì kiến giải càng thâm thúy hơn. Tánh tình trầm tĩnh, thần khí thanh cao hơn. Ban đầu vào Lô Sơn ở ẩn bảy năm để tìm lại chí mình. Thường cho rằng chỗ cốt yếu của việc nhập đạo, tuệ giải là chính. Cho nên học hỏi xem xét tường tận các kinh điển. Vạn dặm theo thầy không nài khổ nhọc. Sau này cùng Tuệ Duệ, Tuệ Nghiêm cùng đến Trường An tham học, thọ giáo ngài La-thập. Tăng chúng trong vùng Quan Trung đều tôn xưng Ngài là bậc thần ngộ. Sau trở về chùa Thanh Viên. Ngôi chùa này vốn là hoa viên của hoàng hậu Trứ thị vào đời Tấn lập nên, cây cối trồng trong vườn xanh tốt nên đặt là thanh viên. Đạo Sanh đương thời là bậc pháp tượng cho nên được vua thỉnh về chùa ấy. Thái tổ hoàng đế nhà Tống càng tỏ lòng tôn kính hơn. Thái tổ mở tiệc mời đích thân ông dự tiệc cùng chúng tăng ở sân đình. Thức ăn đã dọn ra một hồi lâu, chúng tăng đều nghĩ rằng giờ đã quá Ngọ. Hoàng đế nói: Mới vừa đúng giữa trưa thôi. Đạo Sanh nói: Mặt trời đang đứng bóng, vua nói mới trưa thì đúng như vậy. Nói xong Đạo Sanh bèn bưng bát ăn, thế là đại chúng cùng ăn theo. Ai cũng khen Ngài cơ cảnh mẫn tiệp, thích ứng thời cơ mà

xử lý sự tình. Các đạo sĩ như Vương Hoảng, Phạm Thái, Nhan Diên Cji đều kính ngưỡng phong thái của Ngài nên thường đến thỉnh vấn Phật pháp. Ngài quán xét yếu đạo đã lâu, cuối cùng triệt ngộ được yếu chỉ kinh điển vượt ngoài ngôn ngữ nên tự than: Hình tượng nhờ biểu đạt tâm ý, được ý thì hình tượng không còn tồn tại. Ngôn ngữ dùng để diễn giải nghĩa lý, thể hội được nghĩa lý rồi thì cần gì hình thức câu nệ vào ngôn ngữ nữa. Từ khi Phật giáo được truyền vào Trung Quốc, kinh điển được phiên dịch rất nhiều, mà phần nhiều các nhà dịch thuật đa phần ngăn trệ nơi văn tự, nên ít ai thấy rõ nghĩa lý viên dung của Phật pháp, được cá quên nơm thì mới có thể khế hội liễu ngộ thật lý của Phật pháp. Do đó sau khi duyệt xem tất cả nội kinh ngoại điển, nghiên cứu kiểm thảo quan hệ nhân quả, ngài viết bộ Lập thiện không thọ nhận quả báo đốn ngộ thành Phật. Và trước tác các bộ luận Nhị Đế Luận, Phật Tánh Đương Hữu Luận, Pháp Thân Vô Sắc Luận, Phật Vô Tịnh Độ Luận, Ứng Hữu Duyên Luận v.v... đều tràn đầy bao lý lẽ và tuôn trào những ý chỉ thâm sâu. Song việc này dẫn đến sự chống đối, công kích liên tục của những người bảo thủ văn tự, vì hiềm rằng ngài Đạo Sanh sửa đổi nghĩa lý kinh điển. Đương thời kinh Đại Niết-bàn chưa được truyền đến mà chỉ có sáu quyển Nê-hoàn kinh được truyền đến kinh sư. Ngài Đạo Sanh nghiên cứu tinh tường, phân tích tìm tòi trong các nghĩa lý của kinh văn, thâm nhập lý mâu, bèn đề xướng chủ trương “Người nhất-xiển-đề cũng có Phật tánh”. Thuyết này bị các người theo phái cựu học chỉ trích vì cho rằng đó là tà thuyết làm mê hoặc lòng người, càng ngày càng có nhiều người chê bai và phẫn nộ. Bèn tỏ ra thái độ tẩn xuất Ngài. Ngài ở trước đại chúng nghiêm chỉnh thần sắc, đổng dạc tuyên bố: Nếu những lời tôi nói phản nghĩa kinh, thì tôi nguyện hiện thân này ngay tức khắc cảm bệnh hủi bệnh cùi. Thuyết của tôi nếu tương ứng với thật tướng thì xin nguyện lúc xả báo thân này sẽ thăng lên tòa sư tử. Nói xong Ngài bèn rũ áo ra đi. Ban đầu Ngài đến núi Hổ Khâu ở Đông Ngô, trong mười ngày thâu nạp hàng trăm đồ chúng. Mùa hạ năm ấy sấm chớp nổi lên chánh điện Thanh viên, rồng bay lên trời, nhưng bóng nó vẫn lưu lại vách tường phía Tây. Do đó tăng chúng đổi tên là Long Quang. Người bấy giờ than rằng: Rồng đã bay đi rồi thì nhất định ngài Đạo Sanh sẽ đi xa. Chẳng bao lâu, đến Lô Sơn ẩn tích trong hang động, chúng tăng trong đó đều kính phục Ngài. Sau đó toàn bộ kinh Niết-bàn đều được truyền đến Nam Kinh. Đúng như lời nói: “Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh”, lý này khế hợp với lời khi xưa Đạo Sanh nói. Ngài được kinh này rồi bèn đem ra giảng thuyết.

Đến niên hiệu Nguyên Gia thứ 11 đời Tống nhằm tháng 11 cuối đông Ngài thăng tòa thuyết pháp ở tinh xá Lô Sơn, thần sắc sáng rỡ, đức âm vang dội, Ngài lần lượt luận nghị lý lẽ tuyệt diệu, khiến thính giả đều được pháp hỷ. Thuyết pháp vừa xong, đại chúng chợt thấy cây phất tử rơi xuống đất. Ngài ngồi ngay ngắn trên tòa mà sắc mặt an nhiên tựa kỹ thị tịch. Thần sắc bình thường như cảnh nhập định. Tin Ngài thị tịch, bất luận đạo tục xa gần đều than khóc ai bi. Bảy giờ tăng chúng ở kinh sư trong lòng hồ thẹn, đau đớn và rất tín phục. Uy thần của Ngài hiển hiện ra những điềm lành như vậy. Sau đó đệ tử an táng nhục thể Ngài ở Lô Sơn.

Thuở nhỏ Đạo Sanh, Tăng Duệ và Tuệ Nghiêm Tuệ Quán là những người bạn học đều nổi danh. Cho nên người thời ấy đều bình rằng: Sanh, Duệ phát thiên chơn, Nghiêm Quán thông suốt, Tuệ Nghĩa, Bành Hưởng tiến Khấu, Uyên bế tắc nơi im lặng. Đạo Sanh và Tăng Duệ nổi thật là thiên chơn. Vì thế tài năng xuất quần.

Ban đầu ở Quan Trung Tăng Triệu mới chú thích kinh Duy Ma, cả nước đều thưởng vị. Đạo Sanh bèn chỉ lại ý chỉ thâm sâu để hiển bày thông suốt kinh điển mới, đồng thời sơ giải nghĩa các kinh; thời ấy đều quý trọng. Vương Vi sánh Ngài như Quách Lâm Tôn, bèn truyền bá để lưu đức Ngài ở đời. Người thời ấy suy ra chủ thuyết xiển-đề được thành Phật là chính xác. Đốn ngộ không chịu quả báo cũng trở thành hiển chương thời đó. Thái tổ nhà Tống thường thuật lại nghĩa đốn ngộ của ngài Đạo Sanh. Sa-môn Tăng Bạc v.v... cũng đặt ra câu hỏi để chất vấn. Vua nói: Dầu cho người chết cũng có thể làm đạo hưng thịnh, đâu thể bị các ông khuất phục. Sau này ở chùa Long Quang cũng có vị Sa-môn tên là Bảo Lâm, ban đầu đến Trường An cầu học. Sau đó Thái Tổ thuật lại các nghĩa của ngài Đạo Sanh. Người thời đó xưng là Du Huyền Sanh. Trước tác Niết-bàn Ký và Di Tông Luận, Hịch Ma Văn v.v... Pháp Bảo là đệ tử của Bảo Lâm cũng học thông nội ngoại điển. Trước tác Kim Cang Hậu Tâm Luận. Cũng là nghĩa do vua Thái Tổ đã thuật lại của Đạo Sanh. Vào thời cận đại cũng có vị gọi là Thích Tuệ Sinh ở chùa Long Quang. Sống đạm bạc, giản dị, học giỏi kinh điển và công thảo lệ (học tập). Thời bấy giờ người ta lấy việc cùng nổi nhau ở một chùa nên đặt là Sanh lớn và nhỏ.

THÍCH TUỆ DUỆ

Ngài là người Dự châu, tuổi nhỏ xuất gia giữ trọn giới hạnh thanh bạch, thường đi du phương học kinh, đến miền Tây đất Thục bị người khám bắt và cưỡng bắt chẵn dê. Có người khách buôn tin kính Tam bảo, thấy dáng dấp kỳ lạ bèn nghi là Sa-môn, tra hỏi nghĩa kinh điển Ngài trả lời thông suốt. Thương buôn đem vàng biếu cho Ngài. Khi Ngài được mặc lại áo tu thì càng dốc chí học đạo, vân du khắp các nước, đi đến Nam Thiên Trúc. Nhờ vậy mà khả năng tri thức về tiếng Phạm rất kiệt xuất. Sau này trở về lánh nạn ở Lô Sơn không lâu sau lại đến Quan Trung thọ giáo ngài La-thập, rồi đến kinh sư ở chùa Ô Y, giảng thuyết các kinh, tư tưởng thông suốt, lời nói tỏ rõ, lý khế hợp với hoàn cảnh. Vương Nghĩa Khang ở Bành Thành làm đại tướng quân nhà Tống thỉnh Ngài làm thầy, đôi ba lần Ngài mới hứa khả. Vương thỉnh Ngài vào phủ đệ truyền giới cho ông. Ngài đáp: Theo lễ thì chỉ nghe người đến đây để học chứ không nghe qua đó để dạy. Ông ta nghe vậy lấy làm hổ thẹn bèn vào chùa chí thành đánh lễ cầu thọ giới, rồi đem áo lông chồn cúng dường Ngài. Ngài không mặc mà thường ngồi. Vương mật sai tả hữu lại, trả giá mua ba mươi vạn. Tuệ Duệ nói: Tuy tôi không mặc nhưng là vật kỷ niệm của Vương tướng quân tặng, tùy theo chuyện mà dùng thôi. Trần quận Tạ Linh Vận rất thích nghiên cứu lý Phật pháp, ông thông thạo về nhiều thể loại ngôn ngữ thế tục, muốn đến tham vấn nghĩa kinh điển và các âm vận cùng những ý chỉ đặc thù. Thế rồi Ngài soạn mười bốn âm huấn, điều lệ Hồ Hán rõ ràng mạch lạc, khiến văn tự có căn cứ. Ngài mất vào giữa niên hiệu Nguyên gia đời Tống. Thọ tám mươi lăm tuổi.

NGÀI THÍCH TUỆ NGHIÊM

Ngài vốn họ Phạm, người Dự châu, năm mười hai tuổi làm một người học trò hiểu rộng thi thơ. Mười sáu tuổi xuất gia, lại lão luyện lý Phật. Vừa mới hai mươi tuổi thì đã học thông suốt các sách vở. Tin đồn vang khắp nơi, truyền ra các nước lân bang. Hay tin ngài La-thập ở Quan Trung, Ngài đến đó cầu học. Tham vấn nghĩa âm chánh pháp và được nghe rất nhiều điều đặc biệt. Sau đó trở về kinh sư ở chùa Đông An. Tống Cao Tổ vốn đã kính trọng. Khi Ông đến chinh phạt ở Trường

An muốn Ngài đi chung. Ngài nói: Bệ hạ đi chuyến này tuy là phật kẻ tội cứu dân lành nhưng bản đạo là người ngoại cuộc không dám vâng lệnh. Vua tha thiết mời Ngài đi thế là Ngài đành chấp thuận. Cho đến khi Văn Thành Đế lên ngôi. Tình cảm càng khẩn khít hơn. Thường tham kiến hỏi đáp Phật pháp. Vì trước đây vị vua này chưa sùng tín lắm. Đến niên hiệu Nguyên gia thứ 12, Y Tiêu Mô ở kinh đô dâng sớ xin vua cho xây chùa và đúc tượng. Vua bèn cho thị trung Hà Thượng Chi, sử bộ lang trung Dương Huyền Bảo v.v... cùng bàn bạc. Rồi vua bảo Thượng Chi rằng: Trẫm từ bé tới giờ đọc kinh chưa nhiều, so với hôm nay thì càng không rảnh, nhân quả ba đời chưa hiểu rõ ràng, mà lại không dám lập dị. Chính vì các khanh khởi lòng tôn kính vậy. Phạm Thái, Tạ Linh Vận thường nói: Văn nghĩa của lục kinh vốn để cứu đời, nhất định phải tìm tánh linh chân áo. Đâu không lấy kinh Phật để làm kim chỉ nam ư. Gần đây thấy Tánh Luận của Thôi Đạt Nhan Diên, khen Bạch Hắc Luận của Tông Bình, nói toàn về Phật pháp càng làm rõ danh từ nghĩa lý, đồng thời thấy rõ ý khuyến khích người. Giả sử dân trong cả nước đều chủ trương sự giáo hóa này thì trăm ngời yên thái bình, đâu còn lo việc gì nữa. Gần đây Tiêu Mô thỉnh chế chưa thông hết kinh, bèn cho là rõ, nếu giao cho khanh thì càng tổn thêm và nhất định sẽ có sự ngăn trệ. Giới chế ra để cứu đời không làm tổn thương họ. Các khanh hãy chấp lệnh.

Thượng Chi đáp: Kẻ hoang đường phần đông không tin Phật pháp. Dem tài mọn của thần mà khai sáng sự ngu mê ấy e rằng dem các thiếu sót cạn cột gán thêm vào đại giáo. Nay lại đảm đương việc xiển dương ấy thì thật chẳng dám. Chí như những bậc anh hào đời trước thì không phụ minh chiếu. Những người trung của triều đình đã xa thì khó biết được. Từ khi sang sông đến đây thì Vương Đạo, Chu Ký, Dữu Lượng, Vương Mông, Tạ Thượng, Khích Siêu, Vương Đán, Vương Cung, Vương Mật, Quách Văn, Tạ Ân, Đới Quỳ, Hứa Tuân và anh em của Cao Tổ đã mất như Vương Nguyên, Lâm Côn, Lý Phạm Chú, Tôn Xước, Trương Huyền, Ân Ký, có người khoác áo mao làm quan tể tướng, có người làm vũ nghi cho nhân luân, có người đặt mối quan hệ tình thân giữa Thiên nhân. Hoặc có người xóa vết xấu nhơ của đời, đều bảm thọ quy y, một mực sùng tín. So sánh với những người đó thì Lan, Hộ, Khai, Tiềm Uyên, Độn, Sùng, Thúy đều là bậc thấp hơn một bậc, hoặc người không ngờ đến được. Thời này đạo tục so biện hơn thua. Như muốn đưa Di Hạ để thay thế Hán Ngụy. Những bậc kỳ tài dị đức đâu thể luận nổi. Pháp sư Tuệ Viễn có lần nói: Sự giáo hóa của đạo Phật điều gì cũng làm

được. Nói về đạo ắt phải từ nguồn giáo, đổi mới phong tục cũng là việc cần thiết. Trộm tìm những lời này có phù hợp với lý mầu vậy. Vì sao? Giả sử nhà nào cũng trì giới thì cả nước dứt hình phạt, cho nên Phật Đò Trưng đến nước Triệu thì hai nhà họ Thạch bớt sự tàn bạo. Tháp linh phóng quang thì Phù Kiên giảm bạo ngược. Cho nên Thần Đạo trợ giáo có từ xưa nay mà sự khai thính của Tiêu Mô cũng không thể cho là sai hết. Nhưng đều gọi là làm tổn thương còn trùng đạo tục là do nơi tăng sư vô hạnh. Vả lại tâm tướng khó phân, lấy bỏ cũng không dễ. Vàng đồng cát gỗ tuy chẳng hao tổn gì cho lắm mà phước nghiệp gửi vào đó lại khó thể đốn tuyệt. Thần canh cánh trong lòng và dẫn đo tiến thoái không an. Hôm nay đích thân phụng thừa đức âm thật cũng nhờ di thái (sự bình yên).

Dương Huyền Bảo tiến lên nói: Lời này bao trùm cõi thiên nhơn. Đâu phải điều thần dự định. E rằng Tần Sở luận về thuật cường binh. Tôn Ngô bàn kế thôn tính. Đâu không áp dụng những điều này ư?

Vua nói: Đây chẳng phải khí cụ thời chiến quốc, đúng như lời khanh nói.

Thượng Chi nói: Luận về ẩn dật thì chiến sĩ biếng nhác, quý nhân đức thì binh khí suy. Nếu lấy việc Tôn Ngô làm chí thì trong chuyện thôn tính cũng không áp dụng đạo của Nghiêu Thuấn. Đâu chỉ giáo pháp của Thích-ca mà thôi.

Vua rạng rỡ nói: Thích môn có khanh cũng như Khổng tử có Quý, Lộ vậy. Đó gọi là lời xấu không để tai.

Từ đó vua bắt đầu tạo dựng niềm tin, và để tâm đến kinh Phật. Cho đến khi gặp Nghiêm, Quán, và chư tăng thì liền đàm luận nghĩa lý kinh điển. Khi ấy Nhan Diên soạn bộ Ly Thức Quán và Luận Kiểm. Vua mời ngài Tuệ Nghiêm biện biệt về điểm dị đồng trong luận đó. Biện tới lui cả ngày vua cười nói: Các khanh hôm nay không lấy làm hổ thẹn với Chi Khiêm. Sau đó ngài Tuệ Nghiêm trước tác bộ Vô Sanh Diệt Luận và Lão tử Lược Chú. Hà Thừa Thiên ở Đông Hải là người tài cao, tầm tiếng. Ông hỏi ngài Tuệ Nghiêm rằng: Phật quốc sẽ dùng lịch gì. Ngài đáp: Ngày hạ chí ở Thiên Trúc vừa đúng Ngọ thì không thấy bóng. Đó gọi là Thiên trung. Trong ngũ hành màu sắc đức của đất là màu vàng. Tám tấc làm một thước, một lượng tương đương với xứ này mười hai lượng. Tính tháng ba làm đầu năm. Và tra xét, nghiên cứu phân tích, hiệu đính sự kém yếu của nó. Chiếu cố đến quang cảnh pháp ấy càng rõ ràng. Túc độ niên kỷ đều có điều lệ. Thừa Thiên không còn chỗ nào cật vấn nữa. Sau đó có người từ nước Bà-lợi đến quả đúng như

lời ngài Tuệ Nghiêm nói. Vua sắc lệnh mời ông tham dự. Kinh Niết-bàn vừa đến đất Tống. Văn từ rất hay song phẩm số còn sơ sài đơn giản, kẻ sơ học khó phân định. Ngài cùng Tuệ Quán, Tạ Linh Vận, v.v... căn cứ vào các phẩm mục của bốn Nê-hoàn, văn tuy có thừa ra nhưng cũng có phần thay đổi cho hoàn chỉnh. Ban đầu có mấy quyển lưu hành. Ngài Tuệ Nghiêm một hôm nằm mộng thấy một người dáng vẻ lạ lùng. Nghiêm giọng bảo Ngài rằng: Niết-bàn Tôn kinh cơ sao lại chêm chước thêm vào. Ngài giật mình tỉnh dậy: Bèn nhóm chúng tăng lại và muốn thu lại những bản trước. Khi ấy những bậc thức giả đều nói: Điều này chắc có lẽ muốn răn đe người đời sau thôi. Nếu không thích ứng thì làm sao cho phép mộng tức thời. Tuệ Nghiêm cũng cho là như vậy. Chẳng bao lâu thấy thần đến bảo: Ông nhờ công lao hoàng kinh nhất định được thấy Phật. Ngài thị tịch nhằm niên hiệu nguyên gia thứ 12 đời Tống, ở nơi chùa Đông An. Thọ tám mươi một tuổi. Vua ban chiếu: Nghiêm Pháp sư khí thức uyên viễn, học đạo an tượng. Vua tỏ lòng thương tiếc, quyển luyến trước sự ra đi của Ngài. Còn cấp cho năm vạn tiền, vải năm mươi xấp. Ngài Pháp Trí là đệ tử của ngài Tuệ Nghiêm thuở nhỏ có thần lý, đến năm hai mươi bốn tuổi qua Giang Lăng gặp Pháp Nhã giảng pháp, cùng luận nghị mấy phen. Ngài Pháp Nhã không hiểu suốt, rồi ngoái nhìn tứ chúng nói: chú nhỏ này văn tài nổi bật. Pháp Trí cười nói làm cho Nhã quay cuồng.

Thế là tiếng tăm của ông lan khắp Sở Trịnh, danh truyền đến kinh Ngô. Rất giỏi về Thành Thật luận và Đại Tiểu phẩm.

THÍCH TUỆ QUÁN

Ngài họ Thôi người Thanh Hà, mười tuổi đã nổi tiếng học giỏi. Thuở thiếu thời xuất gia du phương tham học, lúc xế bóng về tu tại Lô Sơn thọ pháp ngài Tuệ Viễn, sau đó nghe ngài La-thập vào Quan Trung, Ngài lặn lội từ miền Nam xuống miền Bắc, phỏng vấn những điểm dị đồng, biện rõ quan điểm tân cựu, phong cách khí khái, thanh nhã khéo quán sâu lẽ huyền vi. Người thời ấy bảo rằng: thông tình thì Đạo Sanh, đứng là thượng thủ, thâm thúy thì Quán, Triệu là bậc nhất. Sau đó Ngài soạn Pháp Hoa Tông yếu tự để trao cho ngài La-thập xét, ngài La-thập nói: Thiện nam tử, Ông luận hay lắm. Ông còn nhỏ mà từ phương Nam lặn lội đến Giang Hán, lấy việc hoàng thông làm nhiệm

vụ. Sau khi La-thập thị tịch Ngài lại đi đến Kinh châu. Tướng Tư Mã Hưu ở Kinh châu càng kính trọng Ngài hơn. Ngài ở xứ ấy lập chùa Cao Lý, khiến dân chúng đất Sở quay tà về chánh khoảng phân nửa. Tống Vũ ở phương Nam kéo binh đến thảo phạt Hưu Chi, khi đến Giang Lăng gặp ngài Tuệ Quán. Vẫn hết lòng tiếp đãi như xưa. Nhân đó mời Ngài giao du với Tây Trung lang, tức Văn Đế vậy. Thời gian không lâu sau đó Ngài trở về kinh đô ở chùa Đạo Tràng. Ngài vốn đã thâm diệu Phật lý lại nghiên cứu sâu Lão Trang, đã tinh thông Thập tụng lại lão luyện các bộ. Cho nên người tham vấn cầu đạo ngày càng đông. Vào tháng 3 đầu niên hiệu Nguyên Gia vua xa giá xuống miền Uyên Hội, Khúc Thủy, ra lệnh mời Tuệ Quán cùng các quan văn võ trong triều. Ngài vào chỗ ngồi và hiến kế trước. Lời lẽ thanh nhã, đối đáp đúng thời. Lang Da Vương Tăng Đạt Lô Giang Hà Thượng Chi đều dùng những ngôn từ thanh nhã, chí kính để ban tặng bạc xuất trần. Ngài thị tịch nhằm giữa niên hiệu Nguyên Hy đời Tống. Thọ bảy mươi một tuổi. Trước tác bộ luận Biện Tông, luận về nghĩa đốn ngộ tiệm ngộ và Thập Dụ Tự là bài tựa tán thán các kinh. Đều còn lưu truyền ở đời. Lúc ấy ở chùa cũng có một vị tăng hiệu Tăng Phúc người ở Lễ Tuyền, chuyên tinh nghĩa học, chú giải kinh Thắng Man. Lại có vị hiệu Pháp Nghiệp người Trường An. Thông thạo về các bộ Đại Tiểu Phẩm và Tạp Tâm, tam thường bất tức. Cho nên được công chúa Tấn Lăng làm chùa Nam Lâm mời Ngài về đó ở.

THÍCH TUỆ NGHĨA

Ngài là người phương Bắc vốn họ Lương, phong cách thanh cao, chí khí dũng mãnh. Ban đầu du học ở vùng đất giữa Bành Tống, thông suốt nghĩa kinh, sau đó đến kinh sư, có người nói rằng: Ở Dự châu có đạo nhơn Pháp Xứng khi sắp lâm chung bảo đệ tử Phổ Nghiêm rằng: Sùng cao linh thần nói miền Giang Đông có Lưu tướng quân lúc sắp thọ thiên mệnh ta lấy ba mươi hai viên ngọc bích trấn kim một chiếc bình làm tin. Chuyện đó thấu đến vua Tống. Vua nói với ngài Tuệ Nghĩa: Điềm phi thường ắt cũng là người phi thường, rốt cuộc rồi Ngài cũng đến. Nếu chẳng phải Pháp sư đích thân đi thì e rằng không lấy được. Ngài Tuệ Nghĩa liền ra đi. Lúc ấy nhằm tháng 7 niên hiệu Nghĩa hy thứ 13 đời Tấn, Ngài đến núi Sùng Cao nhưng tìm chưa thấy. Ngài bèn chí

tâm thấp nhang cầu nguyện đến đêm thứ bảy thì mộng thấy một ông lão râu dài cầm chiếc gậy chỉ chỗ của viên ngọc và nói rằng: Ở dưới tảng đá này. Sáng thức dậy Ngài dạo quanh núi thấy một chỗ rõ ràng như trong mộng. Ở ngay dưới tảng đá trong miếu Ngài tìm được ngọc gồm ba mươi hai viên hoàng kim. Điều này được ghi chép rõ ràng trong sử nhà Tống. Sau đó Ngài trở về kinh sư. Tống Vũ càng thêm cung kính, cho đến khi lên ngôi vua thì đãi ngộ càng tử tế hơn. Năm đầu Vĩnh Sơ nhà Tống xa kỵ Phạm Thái xây dựng chùa Kỳ-hoàn. Cho rằng đức độ của Ngài đáng làm mô phạm cho mọi người cho nên trước tiên ông đến thỉnh giáo Ngài. Vì lòng chí thành của ông nên Ngài bằng lòng chỉ bày những phép tắc nghi lễ. Người thời ấy so sánh Phạm Thái như Tu-đạt. Cho nên tên Kỳ-hoàn thì thiếu mà hiệu thì còn.

Sau này nhiều vị danh tăng ở Tây Vực đều đến ở chùa này. Có vị truyền dịch kinh điển, có vị truyền trao thiền pháp. Năm đầu Nguyên gia đời Tống Từ Tiễn, Chi Đàn, Đạo Tế v.v... chuyên quyền triều chánh. Phạm Thái tỏ vẻ bất bình. Có lần buông lời mắng nhiếc họ, Từ Tiễn v.v... rất căm giận ông, ai nghe cũng buồn. Sự việc xảy ra ngoài ý muốn, ông rất lo lắng đến nỗi phát bệnh. Rồi tìm đến Tuệ Nghĩa hỏi về thuật an thân. Ngài nói: trung, thuận không mất lấy sự việc ấy làm đầu, vì vậy trên dưới mới có thể thân nhau, đâu có gì đáng để lo lắng. Phạm Thái nhờ lời khuyên đó mà đem sáu mươi mẫu đất hoa màu ở Trúc Viên cúng cho chùa, để làm phước sâu mầu. Từ đó trở đi Phạm Thái hưởng trọn phước ấy. Cho đến khi ông mất người con thứ ba của ông nói với ngài Tuệ Nghĩa rằng: ngày trước thừa dịp cha tôi mắc nạn mà được đất đai, tôi lấy làm hối tiếc nên nay đoạt lại. Tuệ Nghĩa vẫn cầm tờ số di chúc của Phạm Thái để lại mà thế sự phiền loạn hiển hiện ra như thế Ngài đành dời về Ô Y, ở chung với ngài Nghĩa, Duệ. Vào niên hiệu Nguyên Gia thứ 21 đời Tống, Ngài tịch ở Ô y, thọ bảy mươi ba tuổi. Công tử Yến chẳng bao lâu cũng chết, em trai của ông là công tử Tất bắt chước Khổng Hi mưu nghịch, tổ tông họ hàng đều tan tác.

Sau này chùa Kỳ-hoàn lại có Thích Tăng Duệ giỏi về Tam Luận, được Tống Văn tôn trọng.

THÍCH ĐẠO UYÊN

Ngài vốn họ Quán, người ở xứ nào không rõ, xuất gia tại chùa Đông An ở kinh sư. Thuở nhỏ nghiêm trì giới luật, nghiêm tâm tra xét nghĩa tông nên ông thông đạt từ các bộ kinh điển cho đến số luận. Song lại che dấu tài đức của mình nên người đời chẳng ai biết. Sau đó giảng pháp tại chùa Đông An, Ngài đã phân tích mổ xẻ tận tường những lý lẽ huyền vi. Khiến cho những điều nghi trệ xưa nay bỗng chốc tiêu tan. Thế là những môn đồ học chúng thay đổi hẳn cách nhìn trước đây, họ một lòng một dạ quay về nương cậy đức của Ngài. Sau đó Ngài dời về ở chùa Bành Thành. Tống Văn Đế lấy hạnh của Ngài làm mô phạm cho dân chúng. Mời Ngài ở chùa Bành Thành và sau đó Ngài cũng mất tại đây. Thọ bảy mươi tám tuổi.

Đệ tử của Ngài là Tuệ Lâm, họ Lưu người Tân quận, giỏi kinh điển lẫn Lão Trang. Ngài có tánh hài hước, ưa sáng tác truyện cười gồm mười quyển. Song lại hay ngạo mạn và tự kiêu. Lúc ngài Đạo Uyên đến thăm Phó Lượng, Tuệ Lâm đã ngồi trước đó, cho đến khi Ngài đến Lâm cũng không đứng dậy chào. Ngài Đạo uyên tỏ vẻ không hài lòng. Lượng phạt ông hai mươi trượng. Tống Thế Tổ rất tôn trọng ông, nên thường tiếp ông trên chiếc giường riêng. Nhan Diên Chi mỗi lần đến đó thì tỏ thái độ cơ hiểm. Vua vì chuyện đó mà không hài lòng. Sau đó ông sáng tác bộ Bạch Hắc luận trái với lý Phật. Thái Thú Hà Thừa Thiên ở Hành Dương sáng tác bộ Đạt Tánh Luận để phản bác lại ý cốt nhĩa của Lâm, đồng thời trên chỗ sơ hở của đối phương để bôi nhọ Phật giáo. Nhan Diên Chi và Tông Bình soạn hai quyển Kiểm Bác, mỗi bộ hơn vạn lời. Tuệ Lâm đã tự huỷ giáo pháp của mình nên bị biếm đi Giao châu. Người đương thời nói rằng, ông Lưu thấy ma tinh, chính là người này vậy.

THÍCH TĂNG BẬT

Ngài vốn người nước Ngô, tánh tình giản dị, cử chỉ trang nghiêm. Thuở nhỏ cùng với Long Quang, Đàm Can đến Trường An, theo học ngài La-thập. Ra sức phấn đấu tài bồi công phu nên tư duy sâu sắc. Ngài La-thập hết sức khen ngợi đồng thời bảo Ngài tham gia hội phiên dịch. Sau đó Ngài đi chu du các nước nổi tiếng để tìm hiểu phong tục

tập quán xứ người. Lúc ấy có người thỉnh Ngài trụ trì một ngôi chùa nọ. Ngài trả lời: Đạo cả không hoàng thì ngày càng xa cách, bản thân không đủ định tuệ thì không thể giữ gìn được phong hoá. Hơn nữa phải tùy duyên thì mới có kết quả, đâu được độc thiện tại một ngôi chùa. Sau đó Ngài về phương nam ở Sở Dĩnh hơn mười năm chuyên giảng dạy kinh điển và giới luật. Giáo hoá khắp vùng Giang Biểu, Hà tây. Vương Thư Cừ, Mông Tồn từ xa nghe tiếng tăm của Ngài bèn sai người mang thư đến kính lễ liên tục. Sau đó Ngài xuống thành đô ở chùa Bàn Thành. Văn Hoàng hết mực kính trọng và thường đến nghe Ngài giảng pháp. Niên hiệu Nguyên gia thứ 19 đời Tống Ngài thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi.

THÍCH TUỆ TĨNH

Ngài họ Vương, người Hà Đông, thuở thiếu thời đến vùng Y Lạc du học, đến lúc xế bóng lại chu du miền Từ Duyện. Ngài có dung mạo thật đen, mà tinh thần uyên viễn thanh tao. Lúc ở Y Lạc có vị Sa-môn Đạo Kinh, kiến giải của Ngài cũng nổi tiếng như Tuệ Tĩnh. Tai Ngài dài rộng. Cho nên người thời ấy gọi là người ở Lạc Hạ tai to lớn, người Hà Đông đen như mực. Bất cứ ai hỏi Ngài cũng trả lời được. Câu trả lời ấy không hề bế tắc chỗ nào. Ngài Tuệ Tĩnh bản tánh thanh thoát tư duy sâu mầu và có định lực. Mỗi lần giảng pháp giáo hoá cả ngàn người. Những bậc học giả trong nước lần lượt quay về. Ngài tụng tiểu phẩm Pháp Hoa. Chú giải Duy Ma Tứ Ích, trước tác Niết-bàn Lược Ký Đại phẩm chỉ quy và Đạt mệnh luận và những hành trạng của các Pháp sư. Nhiều bốn còn lưu truyền ở xứ Bắc không qua nổi Giang Đông.

Ngài tịch vào giữa niên hiệu Nguyên gia đời Tống, thọ trên sáu mươi tuổi.

THÍCH TẮNG BAO

Ngài là người Kinh Triệu, thuở nhỏ theo học với ngài La-thập ở Quan Trung. Vào khoảng giữa niên hiệu Vĩnh Sơ nhà Tống, Ngài đến Bắc Từ, vào ở tịnh xá Hoàng Sơn nối nghiệp hai thầy Tĩnh, Định, cũng

ở tại chùa này lập đàn hai mươi một ngày trai sám Phổ Hiền, đến ngày thứ bảy thì có một con ngỗng trời trắng bay đến đậu trước toà Phổ Hiền, đi đến giữa đàn lễ hương xong rồi bay đi. Đến xế chiều ngày thứ hai mươi một lại có bốn người mặc áo vàng đến nhiều tháp mấy vòng rồi biến mất. Ngài thuở nhỏ đã có chí khí lại nhạy cảm, cho nên rất nghiêm ngặt đối với nhân tình. Mỗi ngày tụng hơn cả vạn câu kinh, lễ mấy trăm vị Phật, sau đó xuống kinh sư. Vừa gặp chùa Kỳ Hoàn đang giảng pháp, thính chúng vân tập từ quan chức đến thứ dân cùng ngồi vào toà. Ngài Tăng Bao lúc mới đến có người chưa biết. Ngài cởi lừ đến xem, y áo dơ bẩn, dạng mạo có vẻ phong trần, lúc đó trong giảng đường đã chật, Ngài bèn ngồi trên lưng lừa ở ngoài cửa. Cao toà vừa đề ra một câu xong. Ngài ban đầu muốn ra thi thố. Pháp sư liền hỏi. Khách tăng tên gì, Ngài đáp tôi là Tăng Bao. Pháp sư lại hỏi: bao hết những gì, đáp rằng: Người trên toà cao cũng bao hết. Pháp sư hỏi tới hỏi lui mấy phen Ngài cũng đáp trôi chảy và rất sâu sắc, Pháp sư không còn lời lẽ nào chiết phục được nữa, bèn nhường nhịn khiêm tốn rút lui. Bấy giờ Vương Hoằng, Phạm Thái nghe tin về sự luận nghị tài giỏi của Ngài hết lòng khen ngợi, thỉnh Ngài đàm đạo, song vẫn bị Ngài khuất phục.

Ngài ở chùa Kỳ-hoàn giảng kinh điển, bánh xe chánh pháp luôn xoay chuyển. Tạ Linh Vận ở Trần quận nghe tiếng tăm của Ngài mà tìm đến. Khi thấy được diện mạo của Ngài thì càng tỏ lòng khâm phục.

Có người hỏi: Ông Tạ như thế nào? Ngài đáp: Tạ Linh Vận tài trí tuyệt vời mà có điều không biết hết. Song không tránh được thân mình. Ngài có lần thấy bọn cướp bị cột trói giữa đường, Ngài thuyết pháp cho họ nghe đồng thời khuyên họ niệm Bồ-tát Quan Âm. Bọn cướp trong lúc gặp phải hiểm nguy, niệm niệm khẩn thiết, chẳng bao lâu khiến số người sai nha ăn uống no say, bọn giặc được thoát khỏi kiềm kẹp tù đầy.

Ngài mất vào giữa niên hiệu Nguyên gia đời Tống. Khi đó chùa Ngoã Quan lại có vị tăng Thích Pháp Hoà, cũng tinh thông Sở luận, nổi tiếng một thời, được Tống Cao Tổ kính trọng, sắc phong làm tăng chủ.

THÍCH TĂNG THUYỀN

Ngài họ Trương người Hải Dương Liêu Tây. Thuở nhỏ đến nước Yên Tề học sách vở ngoại điển. Hai mươi tuổi mới xuất gia nhưng lại

trình luyện tam tạng. Được các học giả phương Bắc tôn sùng. Sau đó qua sông ở kinh sư lập đàn giảng pháp, sự giáo hoá ấy thích hợp với xứ Giang Nam. Trương Cung ở Ngô quận thỉnh Ngài về nước Ngô giảng pháp. Những kẻ sĩ ở Cô Tô đều hâm mộ đức hạnh và hướng tâm về Ngài. Lúc đầu Ngài ở chùa Nhân Cư, sau quay về núi Hổ Khâu cư ngụ. Trước đây Ngài ở nước Hoàng Long tạo bức tượng Phật một trượng sáu. khi vào đất Ngô lại đắp một tượng Phật cỡ con người, đặt ở chùa Đông Lâm núi Hổ Khâu. Tánh Ngài thích bố thí, giúp đỡ những người nghèo thiếu, vốn là người thanh bản, tiết kiệm, không thích lụa là.

Sau đó Mạnh Hác Bình Xương lập chùa Phương Hiển ở Dư Hàng, thỉnh Ngài trụ trì. Cả chúng tu tập, hành thiền lễ bái không ngớt, miệt mài lao nhọc đến nỗi mờ cả mắt. Ngài khích lệ họ càng thêm tinh tấn mà không bỏ phế việc tu tập. Trương Sướng, Trương Phu nước Ngô, cùng với Đái Ngung, Đái Bột, Tiêu Quốc, đều mến mộ đức của Ngài nên cùng kết giao đồng thời tôn Ngài làm thầy. Sau đó Ngài tạm trú huyện Lâm An ở nhà Đồng Công Tào. Công Tào là đệ tử thân tín. Ngài ở đó một thời gian ngắn ngủi thì mắc phải trọng bệnh. Lại thường thấy những tượng Phật mà Ngài tạo lúc trước hiện trên bức tường phía Tây, lại thấy các đồng tử cõi trời đến hầu bệnh mình. Đệ tử Pháp Lăng mộng thấy một cái đài có mấy người khiên, ông hỏi họ đi đâu, họ bảo rằng đến rước Pháp sư Tăng Thuyên. Sáng hôm sau thì Ngài mất. Huyện lệnh Nguyễn Thượng Chi sai người mai táng Ngài ở bên phải mộ của Quách Văn Cử ở Bạch Thổ. Thiết nghĩ vận hết ắt phải ly biệt.

Đặc Tấn Vương Dụ và Cao Sĩ Đái Ngung đến mộ Ngài khắc bia. Đường Tư Hiền viết văn. Trương Phổ soạn hành trạng.

THÍCH ĐÀM GIÁM

Ngài họ Triệu, người Dực châu. Thuở nhỏ xuất gia thờ Trúc Đạo Tổ làm thầy ăn bận giản dị hành luật tinh nghiêm. Học thấu các bộ kinh và giỏi Số luận. Nghe tin ngài La-thập ở Quan Trung, ông lặn lội sang đó cầu học. Ngài La-thập thường bảo Đàm Giám là một người tài giỏi. Sau đó Ngài đi khắp nơi để hoằng hoá. Ngài đi từ Kinh châu đến ở chùa Hạnh, xứ Giang Lăng đến lúc tuổi cao Ngài càng dốc lòng tu tập, đức hạnh càng thanh khiết hơn. Thường nguyện sanh về An dưỡng thấy Phật Di-đà. Sau đó đệ tử Tăng Tế từ giả Ngài đến chùa Thượng Minh. Ngài

nói: Ông ra đi rồi e rằng chúng ta không còn cơ hội gặp nhau nữa. Vì phương tiện Ngài đành từ giả và nhận lời dặn dò của thầy mình. Đến tối Ngài cùng chư trưởng lão bàn luận vô thường, lời lẽ thật thâm thúy, nửa đêm mỗi người trở về phòng nghỉ của mình.

Giám công ở lại đi bộ dưới hành lang đến canh ba. Sa-di Tăng Nguyễn thấy vậy thỉnh Ngài về phòng nghỉ. Ngài nói: Ông trở về nghỉ đừng đến đây nữa. Đến sáng hôm sau đệ tử Tuệ Nghiêm theo thường lệ vào thăm viếng. Thấy Ngài chấp tay ngồi xếp bằng mà chẳng nói năng gì, ông vội đến xem xét thì quả nhiên Ngài đã tịch rồi, thi thể mềm mại thơm phức. Sau đó đỡ Ngài nằm xuống cho thân thể duỗi ra và nhập liệm. Ngài thọ bảy mươi tuổi. Trương Biện ở Ngô quận ghi tiểu sử và viết bài tán để khen ngợi Ngài: Bỏ quả đào thì vương mùi thơm, cầm viên ngọc lộ ra sự trong sạch, hồn phách của Pháp sư không đen không trắng, sáng tỏ như ban mai, tỏ rõ lúc chiều tà, thần trí siêu thăng sao Ngài vĩnh quyết.

Lúc ấy ở vùng Giang Lăng lại có vị tăng hiệu Thích Đạo Hải ở Bắc châu, Thích Tuệ Khâm ở Đông châu, Thích Đạo Quảng ở Hoàng Nông. Thích Đạo Quang v.v... đều nguyện sanh về Tây phương, lúc lâm chung hiện điềm lành....

THÍCH TUỆ AN

Ngài là người xứ nào không rõ, tương chày đạm bạc cần khổ, học thông nghĩa kinh và khéo nói năng. Lại chuyên về giới luật, tương xứng kiến giải, tụng kinh hơn bốn mươi vạn lời, ở chùa Lăng Vân, Lô Sơn, học đồ vân tập từ ngàn dặm kéo về. Ngài thường cầm một cây trượng nói rằng: Đây là do vị tăng ở Tây Vực tặng cho. Cây gậy sáng láng bóng ngời lại có mùi thơm. Ở trên có chữ Phạm chẳng ai biết gì. Sau này Ngài đến Quan Trung tham vấn ngài La-thập cũng đem trượng theo. Thầy La-thập thấy trượng ngạc nhiên hỏi: chiếc gậy này sao ở đây? Nhân đó Ngài giải thích những chữ viết trên trượng xuất xứ từ Thiên-trúc của Bà-la-lâm. Khi phương Nam khởi loạn thảo phạt Diêu Hưng. Sau đó được La-thập đạo giáo long. Sau này Ngài Tuệ An đem tích trượng biểu cho vị tăng ngoại quốc là Bà-sa-na. Ngài Sa-na đem về lại Tây Vực.

Ngài mất trong một ngôi chùa trên núi vào, giữa niên hiệu Nguyên gia đời Tống.

THÍCH ĐÀM VÔ THÀNH

Ngài họ Mã người xứ Phù Phong, gia thế lánh nạn dời về ở Hoàng Long, mười ba tuổi xuất gia, hành nghiệp trong sáng, thần ngộ tuyệt luân. Chưa đến tuổi thọ cụ túc lại tinh thông cả. Nghe ngài La-thập ở Quan Trung ông cấp cập đến đó. Ngài hỏi: Sa-di làm sao có thể đi từ chốn xa xôi đến được vậy. Ông đáp: Con vì muốn học đạo mà đến. Ngài La-thập rất vui. Thế rồi Ngài chuyên tâm học kinh điển và tuệ nghiệp càng sâu dày. Vua Diêu Hưng nói rằng Mã Quý Trưởng là bậc thạch học cao minh vốn lấy làm kiêu hãnh với đương thời, song Pháp sư ấy sẽ không như vậy. Ngài đáp: Lấy đạo hàng phục tâm và để trừ lỗi này. Vua Diêu Hưng càng kính phục Ngài, cúng dường phụng sự rất nồng hậu. Khi vua Diêu Hưng sắp mất thì ở Quan Trung bị loạn lạc, ngài bèn về trú tại Trung tự ở Hoài Nam. Đại phẩm Niết-bàn Ngài thường đem ra giảng thuyết, học chúng có hơn hai trăm vị. Ngài cùng Nhan Diên Chi, Hà Thượng Chi luận Thật tướng qua lại nhiều phen thì lý càng tỏ thêm. Ngài có trước tác bộ Thật Tướng luận và Minh Tiệm luận. Ngài mất vào giữa niên hiệu Nguyên gia nhà Tống, thọ sáu mươi bốn tuổi.

Lúc ấy ở Trung tự cũng có một vị tăng hiệu Đàm Quỳnh cùng bạn đồng học nổi tiếng như ngài Đàm Thành. Được Lâm Xuyên Khang Vương Nghĩa Khánh đời Tống tôn trọng.

THÍCH TĂNG HÀM

Ngài là người xứ nào không rõ, thuở niên thiếu rất hiếu học, đốc chí dồi mài kinh sử và thiên văn toán thuật. Khi trưởng thành học thông nghĩa lý trong kinh Phật và Số luận, rất thích bộ Đại Niết-bàn và giảng thuyết liên tục. Vào niên hiệu Nguyên gia thứ 7 Thái thú Đào Trọng Tổ ở Tân Hưng lập chùa Linh Vị. Vì kính mến đức độ và phong cách nên thỉnh Ngài về ở. Ngài dạy dỗ chúng sống nề nếp, tam nghiệp không thiếu sót. Sau đó Ngài đi về hướng Tây hoàng dương chánh pháp. Kể tục người đạo vùng Giang Tả kéo nhau về nương tựa rất đông. Khi ấy người trấn nhậm Bành Thành sáng tác bộ Vô Tam Thế Luận, Ngài liền soạn bộ Thần Bất diệt luận để phản kháng lại. Để khiến cho những ai nghe thấy đều không đoạ lạc mà lại thăng tiến. Ngài lại trước tác bộ Thánh Trí Viên Giám Luận, Vô Sanh Luận, Pháp Thân Luận, Nghiệp

Báo Luận và Pháp Hoa Tông Luận v.v... đều còn lưu truyền ở đời. Chẳng bao lâu sau Ngài vân du phương Nam để xiển bày rộng rãi về kinh điển ở Cửu Giang. Lang Da Nhan Tuấn thời làm Nam trung lang ký thất tham quân theo đến trấn nhậm ở Tầm Dương cùng với ngài Tăng Hàm bàn luận với nhau cả ngày. Có lần Ngài thăm bảo Nhan Tuấn rằng: như nay theo Chức Vĩ không hư, kinh sư ắt xảy ra họa hoạn, người ứng phó là thuộc về điện hạ, đàn việt khéo giữ kín nó. Chẳng bao lâu thì thủ phạm tạo nghịch. Thế Tổ Long Phi quả đúng như lời Ngài nói. Sau đó bình an không bệnh tật gì, Ngài bỗng nhiên cáo biệt đại chúng, đến sáng hôm sau thì lặng lẽ thác hoá. Người thời ấy bảo rằng Ngài là người “tri mệnh”

Lúc ấy cũng có vị tăng hiệu Thích Đạo Hàm cũng là bậc học giả thông suốt, Ngài trước tác bộ Thích Dị Thập Luận.

THÍCH TĂNG TRIỆT

Ngài họ Vương, vốn người xứ Phổ Dương, Thái Nguyên. Thuở nhỏ mồ côi cha mẹ, hai anh em cư ngụ tại Tương Dương. Năm mười sáu tuổi Ngài vào Lô Sơn tìm ngài Tuệ Viễn. Tuệ Viễn thấy Ngài lạ lùng nên hỏi rằng: sao có ý xuất gia. Đáp: Xa trần lánh tục là bốn tâm con. Dây mực, cán cân chỉ dành cho thợ mộc. Tuệ Viễn nói: Ông có thể tu đạo và đặc pháp môn vô úy. Thế là ông nương ở rồi xuất gia theo ngài Tuệ Viễn thọ học. Học hết mọi kinh điển, rất thông thạo Bát-nhã. Lại có lúc nhàn rỗi vấn đạo Ngài cũng để tâm vào bài giảng, đến nỗi một bài phú, bài vịnh hễ đặt bút xuống thì thành câu. Có lần Ngài đến hương Nam ngọn núi vịn cây tùng huýt sáo, do đó gió mát xa bay đến, chim hòa ca, siêu thoát tuyệt trần. Lúc trở về đến tham bái Tổ Tuệ Viễn thưa: Luật cấm khảy đàn, giới tuyệt ca xướng, con vừa ngâm vừa huýt sáo có được chăng?

Ngài Tuệ Viễn đáp: Những gì làm tâm tán loạn đều là trái pháp, vì vậy nên cấm ngăn. Đến năm hai mươi bốn tuổi Tổ Tuệ Viễn bảo Ngài giảng Tiểu Phẩm. Khi ấy những bậc tiền bối chưa cho phép. Cho đến khi Ngài thăng toà thuyết pháp lời lẽ, ý chỉ rõ ràng khúc chiết. Người nghe không thể bác bỏ được tài hùng biện sắc sảo của Ngài. Ngài Tuệ Viễn nói với Ngài: Người xưa gặp kinh địch không tiếc sức. Kể tấn công thành hoàng nghiêm mật của ông làm chết thầy ông rồi lại thương xót

ông, thật là khó vậy. Từ đó môn nhân rất kính phục.

Sau khi Tổ Tuệ Viễn mất, Ngài về phương Nam đến Kinh Châu ở chùa Ngũ Tầng trong thành Giang Lăng. Cuối cùng dời về ở chùa Tỳ Bà. Vương Nghĩa, Khang Nghi, Đồng Tú, Tư Cổ v.v... ở Bành Thành đều theo thọ học giới pháp. Nhan Diên đến thỉnh Ngài thiết trai đích thân ông nấu thức ăn đãi Ngài. Ngài thị tịch vào niên hiệu Nguyên gia thứ 29 đời Tống, thọ bảy mươi tuổi. Thứ sử Vương Lưu Nghĩa Tuyên của Nam Tiều xây tháp an táng Ngài.

Trong lúc đó chùa Thượng Minh ở Kinh châu lại có vị tăng hiệu Thích Tăng Trang cũng giỏi Niết-bàn và Số luận. Tống Hiếu Võ ban đầu ra lệnh Ngài hạ đồ nhưng Ngài cáo bệnh không đến.

THÍCH ĐÀM ĐẾ

Ngài họ Khang, tổ tiên Ngài là người nước Khang Cư, vào thời Hán Linh Đế dời đô về Trung Quốc, cuối đời Hiến Đế bị loạn nên gia đình Ngài dời về Ngô Hưng ở. Cha ngài là Đồng từng làm chức biệt giá ở Ký châu. Bà Huỳnh mẹ Ngài một hôm nghỉ trưa mộng thấy một vị tăng gọi bà bằng mẹ rồi gởi một chiếc phát trần và hai thỏi sắt chặn giầy. Tỉnh giấc bà vẫn thấy hai vật đó còn nguyên, nhân đó mang thai Ngài. Lúc Đàm Đế lên năm tuổi mẹ lấy hai báu vật đó đưa cho ngài.

Ngài nói: Vật này vua Tần ban cho con.

Mẹ hỏi: Con để nó ở đâu?

Đáp: Con không nhớ

Đến năm mười tuổi Ngài xuất gia, sở học không do thầy dạy, tánh tự phát ngộ. Sau đó theo cha đến Phiên Đặng. Bỗng gặp đạo như Tăng Lược ở Quan Trung, Ngài liền gọi: Lược ơi.

Tăng Lược nói: Chú nhóc kia sao dám gọi tên bậc lão túc vậy.

Ngài nói: Khi này tôi chợt kêu như thế là vì trước kia Ngài là sa-di của tôi. Thuở xưa ngài Đàm Đế hái rau cho chúng tăng bị heo rừng cắn trọng thương bất giác la lớn.

Tăng Lược từng làm đệ tử của Pháp sư Hoàng Giác và hái rau cho chúng tăng bị heo rừng cắn trọng thương nhưng Tăng Lược chẳng nhớ mảy may nào. Thế là ông tìm đến hỏi cha của Đàm Đế, cha Ngài kể rõ đầu đuôi sự việc đồng thời đưa phát trần cùng hai thỏi sắt. Tăng Lược nhận ra vật này nhớ lại rồi khóc than: Chú sa-di này là Pháp sư

Hoàng Giác, thầy trước đây của tôi vậy. Thầy đã từng giảng kinh Pháp Hoa cho vua Diêu Tràng, bần đạo làm người phụ giảng. Diêu Tràng ban cho Ngài hai vật này, nay lại gặp nó ở đây. Tính lại lúc thầy xả báo thân cũng chính là ngày gởi vật này, rồi nhớ lại lúc hái rau càng buồn bả hơn. Đàm Đế sau này xem xét kinh sách, nhìn qua liền nhớ. Sau đó Ngài vào nước Ngô ở chùa Hổ Khâu. Giảng giải Lễ, Dịch, Xuân Thu mỗi bộ bảy lần. Đại Phẩm Pháp Hoa, Duy-ma mỗi bộ mười lăm lần. Lại có sở trường về văn hàn, soạn tập sáu quyển, cũng lưu hành ở đời. Tánh Ngài thích ở chốn núi rừng. Sau đó trở về Ngô Hưng vào Côn Sơn ở Cổ Chương sống đạm bạc nơi thanh vắng hơn hai mươi năm. Ngài mất vào cuối niên hiệu Nguyên Gia đời Tống, thọ hơn sáu mươi tuổi.

THÍCH TĂNG ĐẠO

Ngài là người Kinh Triệu, một tuổi theo thầy xuất gia học đạo. Thầy trao cho Ngài một quyển kinh Quán Thế Âm, Ngài đọc xong bèn hỏi thầy, kinh này có mấy quyển. Vị thầy muốn thử Ngài bèn nói chỉ có quyển này. Ngài nói: Đoạn đầu nói: Nhĩ thời Vô Tận Ý, cho nên biết trước đó đã có chuyện, thầy Ngài rất vui rồi trao cho Ngài một bộ Pháp Hoa. Thế là đêm ngày Pháp sư xem xét nghiêm tâm văn hiểu sơ nghĩa. Vì hoàn cảnh nghèo thiếu đến nỗi không đủ đèn dầu, thường hái củi để đốt sáng mà đọc sách. Đến năm mười tám tuổi học rộng nhớ nhiều, khí phách anh hào, thần cơ linh mãnh, cử chỉ nho nhã, hài hoà không ngộ nghịch. Ngài Tăng Duệ thấy vậy rất mến phục và hỏi rằng: Trong Phật pháp ông còn muốn nguyện gì nữa không.

Tăng Đạo nói: Con còn muốn làm phó giảng cho Pháp sư.

Tăng Duệ nói: Ông mới đáng làm pháp chủ cho vạn người, đâu thể thay thế mà làm tiểu sư? Cho đến khi thọ giới cụ túc thì sự hiểu biết của Ngài càng sâu sắc. Thiền, luật, kinh, luận đều thấu trọn tâm Ngài. Diêu Hưng kính trọng đức hạnh của Ngài kết làm bạn mà rất yêu kính. Thỉnh Ngài vào chùa ở chung với nhau, cho đến cùng ngồi chung xe về cung. Và dịch thuật kinh luận với ngài La-thập, đồng thời tham cứu nghĩa lý tường tận. Tăng Đạo vốn có sẵn phong thần lại gặp hội phiên dịch ở Quan Trung. Thế là cùng nhau thảo luận kinh điển, chọn lựa chơn tục rạch ròi. Đồng thời trước tác bộ Thành Thật Tam Luận Nghĩa Sơ và Không Hữu Nhị Đế Luận v.v... sau đó Tống Cao Tổ kéo quân

về Tây chinh phạt Trường An. Bắt được quân chủ Đãng Thanh ở Quan Trung, ông đã biết danh của Tăng Đạo nên muốn gặp Ngài, đồng thời nói rằng: tôi đã trông vọng Ngài đã lâu. Sao Ngài lưu lạc nơi xứ người. Ngài đáp: Minh công rung từ một đến chín cái có tiếng kêu như lục lạc. Lúc này gặp nhau không tốt sao. Cao tổ phát cờ trở về Đông. Lưu Tử, Quế Dương Công, Nghĩa Chơn trấn nhậm Quan Trung. Lúc sắp chia tay vua nói với ngài Tăng Đạo rằng: Lưu còn nhỏ tuổi lại nhậm chức. Mong Pháp sư khéo giúp đỡ. Nghĩa Chơn sau đó bị Bột Bột Hách Liên người Tây Lỗ bức hại. Ông chạy ra cửa nam thành Quan Trung, nửa đường bị loạn lạc, Xú Lỗ nhân đó đuổi ngựa theo sắp kịp. Ngài Tăng Đạo dẫn theo mấy trăm vị đệ tử chặn đường lại. Nói với kẻ đuổi theo rằng: Lưu công đem chú này giao cho bản đạo trông nom. Nay sẽ lấy cái chết để tiến đưa, mong đừng nhọc lòng đuổi theo bắt. Bọn giặc sợ cái phong thái của Ngài, bèn quay ngọn giáo trở lại. Nghĩa Chơn chạy trốn dưới lùm cỏ, ở trong đó không bị binh lính phát hiện và thoát nạn chết, bởi do công lao của ngài Tăng Đạo. Cao Tổ rất cảm kích. Nhân đó lệnh cho con cháu nội ngoại của vua tôn trọng sư. Sau này lập chùa ở Thọ Xuân, tức chùa Đông Sơn vậy. Thường giảng thuyết kinh luận. Học chúng hơn cả ngàn vị.

Hội Lỗ khoảng thời gian không lâu sau thì huỷ diệt Phật pháp. Tăng ni lánh nạn vào đó cả mấy trăm vị. Ông đều cung cấp cơm ăn áo mặc, có vị nào mất tại đất Lỗ, ông cũng thiết hội lập đàn cầu siêu, xót thương than thở. Đến khi Hiếu Vũ Đế lên ngôi, sai sứ đến thỉnh cầu, Ngài vội vàng tiếp chiếu chỉ ở chùa Trung Hưng kinh sư, xa giá của vua đích thân đến đón rước Ngài. Ngài Tăng Đạo giúp Hiếu Vũ Đế đổi lại ba giềng mối ban đầu. Ngài cảm động nhớ lại chuyện xưa, bùi ngùi khôn xiết. Vua cũng ngậm ngùi rất lâu, bèn sắc lệnh ở chùa Ngoã Quan khai đàn giảng kinh Duy-ma, vua đích thân đến dự cùng với khanh tướng. Ngài Tăng Đạo bước lên toà cao nói: thuở xưa Phật thác sanh ở vương cung và thị hiện diệt độ ở song thọ, từ đó đến nay trải qua ngàn năm, nguồn sâu đã cạn hẳn, gió Nghiêu không thổi, Cấp việc điều tàn, Lộc uyển hoang vu, chín mươi sáu phái ngoại đạo từ thấp vượt lên cao, chúng sanh trong tam giới cho nhà lửa là cõi nước bình yên. Đâu ai biết rằng bậc thượng thánh rơi lệ, hàng đại sĩ bàng hoàng ư. Vì thế ta ngậm ngùi rơi lệ. Tứ chúng thấy vậy biến sắc. Rồi Ngài lại bảo vua rằng: Hộ Pháp Hoàng đạo chẳng phải trên đế vương, bệ hạ nếu có thể vận dụng bốn tâm bình đẳng ngăn chặn hiểm nguy, phát triển điều lành, thì đất cát ngói đá ở đây đều biến thành cung trời tự tại. Vua tán thán

thật lâu, thánh giả đều vui mừng. Sau đó Ngài cáo biệt vua về Thọ Xuân mất ở Thạch Gian, thọ chín mươi sáu tuổi. Lúc ấy có vị Sa-môn Tăng Nhân cũng là bậc thầy nổi tiếng đương thời, sánh cùng với ngài Tăng Đạo. Có người hỏi ngài Tăng Nhân rằng: Pháp sư với ngài tăng Đạo có quen không? Ngài đáp: Vị ấy với tôi cùng tôn Ngài La-thập làm thầy, khi chuẩn bị khai đàn giảng pháp thì ngài Tăng Đạo nhập thất, tôi phải thăng đường. Tăng Đạo có các vị đệ tử Tăng Uy, Tăng Âm v.v... đều giỏi Thành Thật Luận.

THÍCH ĐẠO UÔNG

Ngài họ Phan người ở Trường Lạc, thuở nhỏ theo chú đến kinh sư. Năm mười ba tuổi vào Lô Sơn xuất gia với Tổ Tuệ Viễn. Nghiên cứu kinh luật, rất thích Niết-bàn. Sống cuộc đời đạm bạc hơn mấy mươi năm. Có lần Ngài đến Lương châu, bị bọn rợ Khương vây khốn mất cả y bát. Ngài cùng với vài người đệ tử phát nguyện niệm Bồ-tát Quan Âm, phút chốc Ngài cảm thấy một lùm mây che toàn thân Ngài, lũ giặc cướp tìm không thấy. Thế là Ngài được thoát nạn. Sau đó hay tin ở Hà giang có Pháp sư Huyền Cao thiên tuệ sâu rộng. Ngài muốn đến tham học, giữa đường gặp nạn Thổ Cốc Hồn, rốt cuộc không đi được, thế là Ngài đành phải quay về thành đô. Trưng sĩ Phí Văn Uyên bắt đầu theo Ngài thọ học, rồi lập chùa ở Tây bắc Châu Thành, gọi là chùa Kỳ-hoàn. Ngài đến Ba Thục hoàng hoá nổi tiếng khắp trong ngoài thành. Thứ sử Thân Thản ở Lương châu có mối thâm giao với Ngài, Thân Thản sau đó đến xứ này, Ngài đến thăm ông và ở lại đó. Phí Văn Uyên bèn dâng thư cho Thứ sử Trương Duyệt rằng: Pháp sư Đạo Uông thức hạnh trong sạch, phong độ cao vời, trác tuyệt hơn người, thật ít ai sánh kịp. Hay tin ấy Thứ sử Lương châu sai người đến tiếp đón giáo chỉ và mời đến để luận bàn việc quốc gia. Ngài bảo: chẳng phải lúc. Bởi nơi biên giới của Lương châu, Tăng Ni xuất gia cả vạn, tất cả đều nương vào thiên, giới. Nước sông đâu thể đim mất châu báu, núi kia đâu thể làm mất ngọc quý. Mong Ngài soi xét mối đạo để cho tứ chúng được nương nhờ. Trương Duyệt vội vã giữ Ngài lại nhưng chẳng kết quả gì. Ông bèn trở lại kinh đô thuật lại đức hạnh của ngài Đạo Uông cho Tống Hiếu Vũ nghe. Vua bèn ban chiếu đến thỉnh Ngài về làm trụ trì chùa Trung Hưng. Ngài Đạo Uông cố chối từ với Duyệt là mình bị bệnh, sau đó thì

được khỏi. Bấy giờ Ngài thối thác vì bệnh dứt bặc với thế sự.

Sau này Lưu Tư Khảo mở cuộc đại hội thuyết pháp mời Ngài làm chủ tọa. Ngài đáp thỉnh, có người hỏi: Pháp sư thường thể giữ sự yên tịnh, cố sao phụ lòng. Ngài đáp: Lưu công có niềm tin chánh pháp sâu dày mới muốn mở hội pháp thí để nương cậy vất vả chút ít đâu có gì chối từ. Trước kia người Hiệp Trung thường thấy bên ngạch đá có thần quang phát sáng ban đêm. Tư Khảo căn cứ vào đại minh đó mà thỉnh Ngài dựng chùa chỗ phát sáng. Ngài bèn an trí tượng trên vách đá, dựng chùa chỗ yếu hiểm cheo leo kia. Người đi đường đều phát tâm trong sạch. Sau này Vương Cảnh Mậu thỉnh Ngài về ở chùa Võ Đảm làm tăng chủ. Khuyến khích chúng thanh cần, tăng tục quy y. Ngài mất ở chùa đang ở nhằm Thái tử nguyên niên đời Tống. Lại ra lệnh hoả táng Ngài, Lưu Tư Khảo xây một ngôi tháp bên phải chùa Võ Đảm để an táng Ngài.

Niên hiệu Cảnh Hoà đầu tiên Tú Tuệ trấn cửa Tây thành đô. Hay tin ngài Đạo Ưông là một vị tăng giảng đạo nổi tiếng, ông đi đến nửa đường thì hay tin Đạo Ưông đã thị tịch. Ông bèn than rằng: Tiếc thay tôi không kịp gặp Ngài, nên chi Ngài được những bậc hiền đương thời kính mến như vậy.

Đương thời ở nước Thục có ngài Thích Phổ Minh chùa Giang Dương. Thích Đạo Khuê ở chùa Trường Lạc. Đều là những bậc giới đức cao minh, sống đời giản dị, siêng năng đọc tụng kinh điển, sở học của ngài Đạo Khuê kiêm nội ngoại kinh điển, rất giỏi đối đáp. Trương Dự người nước Ngô thỉnh Ngài làm giới sư...

THÍCH TUỆ TĨNH

Ngài vốn họ Thiệu, người ở xứ Dư Hàng, Ngô Hưng, gia cảnh bản song Ngài có chí khí, là người siêng năng chăm chỉ, phong thái tuấn tú, dung nghi lịch lãm. Ban đầu Ngài đi du học ở Lô Sơn. Sau này trở về kinh đô tu tập. Thông thạo cả nội ngoại điển, tâm đắc nhất là Niết-bàn. Lúc đầu ở chùa Trì Thành, Nhan Diên Chi và Hà Thượng Chi đều kính mến phong cách và đức độ của Ngài. Nhan Diên Chi thường khen rằng: Viên ngọc của Kinh Sơn chính là ngài Tuệ Tĩnh vậy. Cho đến khi Tử Tuấn ra trấn nhậm Đông châu, cả hai cùng nhau đến đó. Ở chùa Thiên Trụ Sơn và trong năm Đại minh lại dời về Pháp Hoa đài ở Diệm, sau đó

trú tại Đông Ngưỡng Sơn, chu du khắp nơi Ngài cũng lấy việc hoằng pháp làm nhiệm vụ chính. Tuổi tác đã cao Ngài biết trước được thọ mệnh của mình nên quyết chí mạnh hơn. Ngài mất vào giữa niên hiệu Thái thỉ nhà Tống. Thọ năm mươi tám tuổi. Văn hàn mà Ngài trước tác gồm mười quyển.

THÍCH PHÁP MÃN

Ngài là người phương Bắc, thuở niên thiếu Ngài rất mộ đạo và dốc chí học kinh sách. Năm mười tuổi xuất gia. Rồi đi đến Châu Quốc thường thức đạo vị. Bát-nhã, Số luận và những bộ kinh luật khác Ngài đều rất thành thạo. Sau đó đến nương ở chùa Ngũ Tầng ở quận Giang Hạ. Lúc bấy giờ Sa-môn Táng Dương lập tháp trong thành Giang Lăng, Thứ sử Tạ Hối muốn phá bỏ, ngài Pháp Mãn thấy vậy mới đến khuyên ngăn ông, nhưng tâm ông không phục. Thế là Ngài đến ẩn tích tại Lộc Sơn, Trường Sa. Trọn đời không ra khỏi. Tạ Hối xem thường quy củ kéo nhau đến chùa đả đàng rượu thịt, thúc trống ra oai, đập phá hình tượng, thoáng chốc thì mây đen, gió lốc ùn ùn nổi dậy khắp nơi. Tạ Hối kinh hải bỏ đi. Sau đó vì tội phản nghịch mà bị tru diệt. Toán người Đinh Pháp Thành, Sử Tăng Song toàn thân bị bệnh hủi, số người còn lại do phạm pháp mà chết. Ngài Pháp Mãn bèn soạn quyển luận Hiển Ng-hiêm để nói rõ nhân quả. Và chú giải kinh Đại Đạo Địa. Sau này mất ở trong núi, thọ tám mươi ba tuổi. Đệ tử Tăng Đạo lập bia để ca ngợi đức hạnh của Ngài. lúc bấy giờ trong chùa Linh Hoá quận Thỉ Hưng có vị tỷ kheo Tăng Tông cũng là bậc lỗi lạc về kinh luận, trước tác hai bộ Pháp Tánh và Giác Tánh.

THÍCH ĐẠO LƯỢNG

Không rõ Ngài là người xứ nào, ở chùa Đa Bảo phía bắc Kinh sư. Thần ngộ siêu tuyệt, tướng mạo khả quan, tính cách cứng rắn, là người nổi bật trong chúng. Cuối niên hiệu Nguyên gia Ngài bị đày đến Nam Việt. Người thời ấy có kể chê ngài không giữ được thân.

Đạo Lượng nói: Việc làm của ta chẳng phải là chuyện của người.

Thế rồi Ngài bảo bạn cùng đi về phương Nam đến Quảng châu, mười hai vị tăng đi theo như đệ tử Trí Lâm v.v... ở miền Nam sáu năm. Ngài giảng dạy dẫn dắt đồ chúng, giáo hoá Đào Linh Ngoại. Trong năm Đại Minh Ngài trở về ở Kinh Triệu, mở đại hội thuyết pháp. Trước tác Thành Thật Luận Nghĩa sơ tám quyển. Ngài mất vào giữa niên hiệu Thái thỉ nhà Tống thọ sáu mươi chín tuổi, lúc bấy giờ chùa Đa Bảo cũng có các vị Tĩnh Tâm, Tuệ Long. Ngài Tĩnh Lâm rất giỏi về kinh Niết-bàn, được vua nhà Tống kính trọng. Ngài Tuệ Long cũng là bậc thông thạo kinh điển và số luận. Lại gắng sức phi thường, lúc Ngài bệnh thân khí mệt mỏi, giữa đêm có phi nhân đem thuốc đến nói rằng: thuốc này của Mạt Lăng gửi đến cho Ngài. Trao xong thì bỗng nhiên biến mất, Ngài uống một thang cảm thấy đặng song liền khỏi bệnh.

THÍCH PHẠM MÃN

Ngài họ Lý, người Hà Đông. Thuở nhỏ du học ở Quan Lũng, lớn lên đi sang Bành Tứ. Tất cả kinh điển sách vở nội ngoại đều chứa cả bụng. Đến tuổi lão thành thì Ngài ở Đan Dương nhiều lần mở hội thuyết pháp. Tạ Trang, Trương Vĩnh, Lưu Cầu, Lữ Đạo Tuệ đều tiếp đãi niềm nở, lịch sự và tôn kính. Ngài giảng Pháp Hoa, Thành Thật nhiều phen. Lại đề tựa quyển Yếu nghĩa bách khoa lược tiêu cương võng. Cổ Văn chỉ có một quyển. Trình độ học thuật của Ngài được đương thời rất tôn trọng. Sau này Ngài mất ở Đan Dương. Thọ bảy mươi mấy tuổi. Khi ấy lại có vị tăng hiệu Thích Tăng Dương người Thượng Đảng rất giỏi kinh Niết-bàn được Trương Sướng vô cùng kính trọng.

THÍCH ĐẠO ÔN

Ngài tên là Hoàng Phổ, người Triều Na, An Định. Sau này là Cao Sĩ Ích Chi vậy. Thuở nhỏ thích đàn và sách, thờ phụng cha mẹ bằng tấm lòng chí hiếu. Năm mười sáu tuổi vào Lô Sơn học đạo với tổ Tuệ Viễn. Sau đó vân du sang Trường An gặp ngài La-thập. Vào giữa niên hiệu Nguyên gia thì Ngài trở về chùa Đàn Khê ở Tương Dương. Ngài thông thạo kinh điển Đại thừa và thấu suốt Số luận, những học chúng

Miền đều tôn Ngài làm thầy. Khi ấy Trương Thiệu trấn nhậm Tương Dương nước Ngô. Tử Phu là phụ tá của ông, song Phu nghe ngài Đạo Ôn giảng kinh bèn quay về. Trương Thiệu hỏi: Đạo Ôn là người thế nào? Phu đáp: Kiến giải của Ngài đủ để biện thuyết chánh giáo. Đạo tâm thật khó suy lường. Trương Thiệu đích thân đến đó tham kiến, mới biết được Ngài là bậc thần tuấn, rồi ông từ tốn thưa ngài Đạo Ôn rằng: Giả như Pháp sư có thể hoàn tục thì tôi sẽ cho Ngài làm Biệt giá. Đạo Ôn nói: Ông đem xiềng xích và gông cùm để dụ ta, như mặt trời lặn về Giang Lăng. Trương Thiệu ăn năn hối hận không kịp. Niên hiệu Hiếu Kiến Sơ Ngài được mời về kinh đô ở chùa Trung Hưng. Trong năm Đại Minh phong Ngài làm tăng chủ của đồ ấp. Vào ngày 8 tháng 10 năm thứ 4 hoàng thái hậu Lộ Chiêu đắp xong tượng Phổ Hiền trong năm Đại Minh. Thiền đường ở Trung Hưng thiết trai thỉnh hai trăm vị tăng, các vị lần lượt vân tập, số người đã định. Lúc ấy ở chùa đã sắp đặt, bố trí trang nghiêm. Chợt có một vị tăng đến trễ, song phong thái, nghi dung đạo mạo. Cả trai đường đều chăm chú nhìn Ngài. rồi Ngài cùng với trai chủ chuyện trò một hồi rất lâu, sau đó bỗng nhiên biến mất. Có vị tăng tra hỏi người giữ cửa thì ông nói chẳng thấy ai ra vào. Đại chúng chợt hiểu ra đó là vị thần tăng. Bấy giờ Đạo Ôn đã làm tăng chủ, Ngài kể lại đầu đuôi với Mạt Lăng rồi nói rằng: Hoàng thái hậu là người đoan chính, nghiêm minh đã hợp với thánh ứng của thần. Gọt sạch tịnh tràng tư tưởng, mài nhẵn chí cảnh ý niệm, hấn lễ tiếng tăm vang dội khắp cung đình, sự việc loan khắp ngoại bang. Chính là sáng tạo ra một lò đúc tư tưởng, để rút ra một dụng cụ tinh xảo. Phóng tạo tượng Phổ Hiền để tỏ lòng tôn kính, quý báu như vũ trân, giá trị như thiên sức. Hôm đó ngày mừng tám trai nghi đã lập, hội giảng đã bày. Tiệc hội có hạn, danh bạ đã định. Tăng chúng lần lượt theo thứ tự vào toà, vừa vận chõng ngồi. Chuyên kinh sắp đến bán cảnh và sư đệ ta bỗng thấy một vị tăng lạ chuẩn bị bước vào toà. Dung mạo đoan nghiêm, nghi biểu đáng kính. Đại chúng kinh ngạc, chẳng ai biết Ngài.

Trai chủ hỏi: Thượng như tên gì?

Đáp: Tôi là Tuệ Minh

Hỏi: Ngài ở chùa nào

Đáp: Từ Thiên An đến.

Trong lúc đối đáp qua lại bỗng nhiên biến mất. Cả hội rỏn tóc gáy, toàn trai đường đều đầu đầu, cho rằng điềm lành ẩn hiện trong tích tắc, Tử sơn có thể chiêm ngưỡng, hoa đài gần trong tích gan. Bởi từng nghe hể hết lòng thành thì sẽ cảm hoá cảnh vật, xoay chuyển điềm

gở. Lóng tâm đã yên thì khoét núi đào sông. Hướng chi bao dung, độ lượng của đế vương, công cần mẫn, tận tụy của hoàng thượng. Nhân thấu suốt càn khôn, nghĩa bao trùm nội ngoại. Cho nên bậc minh quân, công thần là biểu trưng cho triều đại “Đại Minh” (hưng thịnh) khuyến phát diệu thân chính mắt thấy rồng bay ra khỏi thất. Nó ví như ngọn đuốc Tuệ của bệ hạ, là vầng nhật nguyệt của nước nhà. Cho nên lấy Tuệ Minh đặt tên cho người, để thay trời làm vương vị hưng thịnh. Quý hoá vô cùng. Nên lấy Thiên An đặt tên chùa. Thần cơ càng rộng chánh đạo mới tụ. Thiên hạ thái bình nhân dân đều yên vui. Kính trình những lời này cho chúa thượng để làm tỏ thiên hựu, huyện lệnh bèn nói với quận. lúc bấy giờ Kinh Triệu Y Khổng, Linh Phù đem việc đó để biểu dương. Hạ chiếu đổi thiền phòng làm chùa Thiên An, để kỷ niệm diễm lành kia. Sau đó ngài Đạo Ôn đảm nhiệm chức vụ thuyết giảng nhiều lần. Tinh cần nhiều lần cảm ứng thần linh. Vua rất mến Ngài, đồng thời ban thưởng năm mươi vạn tiền. Người thời ấy bảo rằng: Đế chủ khuyhnh tài, Ôn công suất tấc. Cảm ứng thiên đế, thần linh ban đức. Ngài mất vào đầu niên hiệu Thái thỉ đời Tống, thọ sáu mươi chín tuổi, vào thời đó tại chùa Trung Hưng lại có những vị tăng đều là những bậc nổi tiếng về nghĩa học. Ngài Tăng Khánh giỏi về Tam Luận, được những học giả đương thời kính trọng. Tuệ Định có sở trường về kinh Niết-bàn và Tỳ-đàm cũng đáng gọi là bậc nguyên tượng. Tăng Tung thông thạo cả Số luận. Mạt Niên Tích chấp rằng Phật không nên thường trụ, lúc lâm chung cuốn lưỡi hoại trước.

THÍCH ĐÀM BÀN

Ngài họ Tô, người Nam Dương. Năm lên mười tuổi thờ ngài Đạo y làm thầy xuất gia. Ban đầu ở Tân tự Giang Lăng, nghe kinh luận học thiền đạo. Tư duy sâu sắc nhưng lòng chưa thông suốt. Đêm nọ mộng thấy có vị thần đến báo với Ngài rằng: Ngài hãy du phương tham vấn thì sẽ giải quyết những mối nghi trong lòng. Thế là Ngài chống gậy quảy y mang bát sang nước khác tham vấn đạo lý. Lúc đầu Ngài đến kinh sư, rồi lại qua Ngô quận. Gặp ngài Tăng Nghiệp giảng Thập Tụng. Lắng nghe trong phút chốc mà ngộ giải sâu sắc. Sau đó Ngài trở về kinh đô tham vấn kinh Niết-bàn nơi Pháp sư Tĩnh Lâm. Rồi lại đến chỗ Pháp Trân, Tiểu Sơn ở Ngô Hưng. Nghiên tầm, tìm tòi kinh Nê-hoàn, Thắng-

nan. Sau đó đến chỗ ngài Pháp Nghiệp ở Nam Lâm học Hoa Nghiêm Tập Tâm. Ngài đã tham vấn khắp mọi nơi, tất cả bậc tôn túc, nghe đủ dị thích, suy nghĩ sâu xa, để thấy tận lý huyền diệu của nó. Dung hợp trăm nhà đào tạo un đúc thấu các bộ. Bấy giờ Ngài trở về ở Phiên Miện khai hội thuyết pháp. Những bậc danh sĩ nổi tiếng, phụ tá khắp nơi đều đến. Cho đến đầu niên hiệu Hiếu Kiến. Vua bảo Vương Huyền Mô phụ giúp đưa Ngài về kinh. Ban đầu ở chùa Tân An, giảng Tiểu Phẩm Thập Địa, đồng thời trình bày ý nghĩa đốn ngộ tiệm ngộ. Bấy giờ những người tâm ý hùng mạnh vất vả kéo đến so tài với Ngài. lời lẽ, lý luận của Ngài không ai bẻ được. Đương thời Ngài được Viên Xán ở quận Trần rất trọng vọng và khen ngợi hạnh giải của Ngài. Có lần ông bảo trung thư xá nhân Sào Thượng Giới, ý muốn thử Ngài, nhưng không có kết quả. Viên Xán đích thân đến thăm Ngài, đồng thời nhiều lần khuyên Ngài hầu cận thiên tử. Ngài Đàm Bân nói: Bần đạo là người ngoại bang, giao du với vua đâu thích hợp. Viên Xán càng tôn trọng Ngài. Sau đó thỉnh Ngài làm thầy cho mẹ ông. Vương Cảnh Tố, Tống Kiến Bình cũng tham vấn học hỏi nghi tắc của Ngài.

Ngài mất vào giữa niên hiệu Nguyên Huy nhà Tống, ở chùa Trang Nghiêm, thọ sáu mươi bảy tuổi. Vào thời đó chùa Trang Nghiêm cũng có các vị Đàm tế, Đàm tông, đều là những bậc tài cao học rộng, được tôn trọng một thời. ngài Đàm tế trước thuật Thất Tông Luận. Đàm Tông soạn bộ kinh mục và Số Lâm.

THÍCH TUỆ LƯỢNG

Ngài họ Đổng, cha đặt tên cho Ngài là Hiễn Lượng, làm đệ tử của ngài Tuệ Tĩnh ở Đông A (Hà Đông). Thuở nhỏ đã nổi tiếng. Người đương thời bảo rằng Tuệ Tĩnh là đại sư, Tuệ Lượng là Tiểu sư. Mặc dầu Ngài còn ở tuổi vị thành niên nhưng rất chuẩn mực, đáng để người noi theo. Sau đó Ngài lập chùa ở Lâm Truy, giảng các bộ Pháp Hoa, Đại Phẩm, Tiểu Phẩm, Thập Địa v.v... học đồ vân tập ngàn dặm kéo nhau về. Sau đó Ngài qua sông ở chùa Hà Viên. Nhan Diên, Trương Chử, Quyển Đức, Lưu Liên, đều khen rằng: An, Thái tuôn châu ngọc ở trước. Bân, Lượng rung chuông vàng ở sau. Ngôn từ thanh nhã, lời lẽ khéo léo, tuyệt diệu ít ai sánh bằng.

Vào đầu niên hiệu Thái thỉ ở chùa Trang Nghiêm mở hội tuyển

chọn nghĩa sĩ. Bậc thượng thủ cả một ngàn người. Vua ban chiếu cho ngài Tuệ Lượng và Đàm Bân thay nhau làm pháp chủ. Đương thời những bậc thầy tăm tiếng cũng không sánh nổi. Ngài mất vào giữa niên hiệu Nguyên huy nhà Tống, thọ sáu mươi ba tuổi. Soạn bộ Huyền Thông Luận, tới nay vẫn còn lưu truyền ở đời.

THÍCH TĂNG CẢNH

Ngài họ Tiêu, người Lũng Tây, sau đó dời về ở đất Ngô, hiếu thảo hơn người. Xem nhẹ tiền tài, ưa thích bố thí. Nhà nghèo, mẹ mất. Thái Thú cho năm ngàn nhưng Ngài cố chối từ không chịu nhận. Mà tự thân lo chăm nom đất đai trồng từng bách, ở nơi mộ mẹ thương nhớ ba năm, mãn tang mới xuất gia, ở chùa Hoa Sơn huyện Ngô. Sau đó vào Lũng Tây, Quan Trung tìm thầy học đạo, trải qua nhiều năm mới trở về. Dừng chân ở kinh sư, xiển dương kinh luận. Tư Không, Đông Hải, Từ Kham rất kính trọng phong cách của Ngài. Thỉnh Ngài làm thầy của cả môn phái. Sau đó Đông Hải trở lại Cô Tô, lại chuyên làm Pháp sư, Sa-môn Đạo Lưu ở Đài tự thỉnh Ngài ở lại đó mấy năm, sau đó Đông Hải lại đến Thượng Ngu, Từ Sơn. Đồ chúng hơn cả trăm vân tập lại cầu học.

Sự giáo hoá của Ngài vang khắp tam Ngô, tiếng tăm dội đến thượng quốc. Tạ Linh Vận ở Trần quận vì đức âm của Ngài mà tiếp đãi rất chân thiết. Tống Thái Tổ căn cứ vào phong thái của Ngài mà hạ chiếu mời Ngài về kinh sư ở chùa Định Lâm Hạ. Nhiều phen mở pháp hội, thỉnh chúng vân tập rất nhiều. Ngài trước tác các bộ nghĩa số như Pháp Hoa, Duy-ma, Niết-bàn và Tỳ-đàm Huyền Luận. Phân biệt nghĩa lý, có mạch lạc rõ ràng. Ngài thị tịch vào giữa niên hiệu Nguyên huy đời Tống, thọ sáu mươi bảy tuổi. Vùng Thượng Ngu, Từ Sơn trước đây có vị Đàm Long thuở nhỏ rất giỏi thuyết pháp, về già khổ hạnh hơn người, cũng được Tạ Linh Vận tôn trọng. Ngài và ông ta thường ngao du ở Thặng. Sau khi Ngài mất Tạ Linh Vận bèn ghi lại hành trạng của Ngài để tỏ lòng thương kính.

THÍCH TĂNG CẢN

Ngài họ Chu, người nước Phái, là người con thứ tư của ẩn sĩ Kiến. Thuở nhỏ rất giỏi về Lão Trang và thi lễ. Sau đó đến Quảng Lăng tham kiến Pháp sư Đàm Nhân, rồi đánh lễ bái thỉnh Ngài học đạo. Học tất cả các môn nội ngoại điển và thông thạo tam tạng. Sau đó đến kinh sư gặp Long Quang, Đạo Sinh lại y chỉ vị này để thọ giáo. Lúc đầu ở chùa Dã Thành. Tống Hiếu Vũ sắc phong Ngài làm thầy của Tương Đông Vương. Ngài một mực từ chối vì bệnh duyên, nhưng không tránh được. Vương thỉnh Ngài truyền năm giới và càn kính mến Ngài hơn. Trước là Sa-môn Trí Bản, lúc đầu thay thế Đàm Nhạc làm tăng chánh. Trí Bản cũng là người có đức hạnh được mọi người tôn trọng, rất giỏi Tam Luận Duy-ma, Tư Ích, Thi, Trang, Lão v.v...

Sau đó Nghĩa Gia tạo phản và soán ngôi. Lúc đó có người gièm siểm Ngài: Ngài dạy học cho Nghĩa Gia nên lập tức bị tẩn xuất khỏi Giao châu. Khi ấy Tương Đông lên ngôi, là một vị hoàng đế anh minh. Sắc phong Ngài làm Tăng Thống (quốc sư). Ban cho Ngài một bộ pháp chi, hai mươi người hầu hạ thân tín, mỗi tháng phát lương ba vạn, quanh năm đều có xe kiệu và người cận vệ. Hễ ai ở ngoài trấn thỉnh thì cũng sắc phong để Ngài đến. Ngài từ chối sự cúng dường, phụng sự của tứ phương, đồng thời hỏi tăng chánh là đặc chưa mà được người xem trọng như vậy. Tính Ngài không thích chứa vàng bạc, hễ có ai cúng thì đều sung vào công quỹ làm việc phước. Ngài xây hai ngôi chùa Linh Căn và Linh Cơ. Cho là chỗ nường nấu của thiền Tuệ. Cho đến cuối năm Minh Đế, lại xảy ra nhiều điều cấm kỵ, cho nên những tư tưởng Niết-bàn, diệt độ bấy giờ tạm ngưng. Tất cả những câu tử vong, hung hoạ, suy bạch v.v... đều không được bàn đến. Vì những kẻ không tuân lệnh phạm phải dẫn đến bị phanh thây, mười người thì hết bảy, tám. Ngài Tăng Cản thường khuyên can song sự kính nể của vua đã cạn. Bấy giờ Chu Ngung ở Nhữ Nam vào hầu duy ác (chỗ bàn việc quân cơ). Ngài Tăng Cản nói với ông rằng: Việc làm của bệ hạ ngày càng chẳng phải hành động của bậc nhân quân. Người đời khuyên can mà chẳng được lợi ích gì. Cùng lời can lý chỉ thêm uổng phí. Mặc dù khổ báo trong ba đời nhưng cần thiết nhất là cận tình. Đàn việt chỉ có nhân cơ hội hầu hạ mà chánh đáng giải bày những điều này mà thôi. Sau đó vua bị bệnh thấp khớp, nhiều lần châm cứu đau đớn vô cùng, bèn gọi Chu Ngung và Ân Hồng v.v... Nói về những chuyện linh tinh làm tâm thần tán loạn. Chu Ngung bèn đọc thuộc bộ kinh Pháp cú và Hiền ngu, mỗi lần nói chuyện

với vua thì liền đem những lời trong hai kinh đó mở đề. Vua cứ ngạc nhiên và nói: Báo ứng thật đúng như thế và đâu thể không sợ. Vì thế những người phạm nghịch đều lần lượt được khoan hồng. Bởi lẽ ngài Tăng Cấn đã làm người ta được như vậy. Ngài mất vào giữa niên hiệu Nguyên huy nhà Tống. Thọ bảy mươi chín tuổi.

Lại có một vị Sa-môn là Đàm Độ, thế ngôi làm tăng chủ, Ngài vốn là người xứ Lang Da. Thông suốt tam tạng và Xuân thu, Lão, Trang, Dịch học. Thế Tổ, Thái Tông nhà Tống đều rất kính trọng Ngài. Cho đến thiếu đế trái lễ Ngài cũng dấu kín sở đắc. Nhứt cử nhất động không trái nghịch.

Ngài ở chùa Tân An, tại chùa này lại có vị Tăng hiệu Thích Huyền Vận cũng tinh thông hai thừa. Trương Vĩnh, Trương Dung đều đến giảng đường vấn đạo.

THÍCH ĐẠO MÃNH

Vốn là người Lương châu, tuổi tuy còn nhỏ nhưng đã vân du khắp nước Yên Triệu, tham quan hết mọi phong tục tập quán của xứ người. Sau đó dừng ở Thọ Xuân, siêng năng chăm học. Ba tạng, chín bộ, đại tiểu số luận đều thông suốt đến chỗ thâm áo. Mà đặc biệt nhất là bộ Thành Thật Luận. Thế là Ngài đến giáo hoá cả vùng Giang Tây, học chúng kéo nhau về Đông nghịch. Đến niên hiệu Nguyên gia thứ hai mươi sáu Ngài về phương Đông ở chùa Đông An kinh sư, lại tiếp tục khai đàn thuyết pháp. Lúc đó Tống Thái Tông làm Tương Đông Vương rất tôn kính sùng phụng Ngài. Cho đến khi ông đăng ngôi càng đối đãi hậu hỷ hơn. Vua tặng cho Ngài ba mươi vạn đồng, để giúp Ngài làm tư lương. Đầu niên hiệu Thái tử vua cho xây chùa ở ngoài thành Kiến Dương. Sắc phong Ngài làm Cương Lãnh. Vua nói: Luận về người có thể hoằng đạo đồng thời đạo do người hoằng. Nay được Pháp sư chẳng phải trực đạo lợi ích như sanh. Cũng có uy danh làm rạng đời. Nên đặt tên chùa là Hưng Hoàng. Do đó mà thành hiệu. Cho đến khi xây cất xong. Vua hạ chiếu thỉnh Ngài ở chùa đó mở hội giảng Thành Thật Luận. Ngày giảng tựa đề, vua đích thân đến nghe pháp, công hầu, khách thương, phụ trật khắp nơi đều đến. Lời lẽ, ngôn từ hoà nhã, đối đáp rành mạch. Vua khen ngợi rất lâu. Vì vậy mà có chiếu rằng: Pháp sư Đạo Mạnh phong cách đạo đức rất tuyệt, trẫm muốn kết bạn. Mỗi tháng cấp cho Ngài ba vạn, bốn người hầu cận, hai mươi người ghi chép, xe và

kiệu mỗi thứ một chiếc. Xe kiệu đến tỉnh khác Ngài bố thí, ban phát tất cả những gì mình cho kẻ nghèo cùng, xây dựng nhiều chùa đền. Ngài thị tịch nhằm niên hiệu Nguyên huy thứ 3 đời Tống tại chùa Đông An, thọ sáu mươi lăm tuổi.

Sau này có các vị Đạo Kiên, Tuệ Loan, Tuệ Phu, Tăng Huấn, Đạo Minh đều ở chùa Hưng Hoàng, tiếng tăm về nghĩa học các vị ấy cũng tương đương như ngài Đạo Mãnh.

THÍCH SIÊU TẤN

Ngài vốn họ là Chương Húc người Trường An. Vì bản tính siêng năng chuyên chú nên mặc dù còn nhỏ mà trở thành một người lão luyện. Các kinh Đại tiểu thừa đều nắm bắt tổng quát. Tánh tình hoà ái, giới hạnh nghiêm mật. Cho nên chưa đến tuổi trưởng thành mà tiếng tăm đã vang khắp Quan Trung. Cho đến khi Tây Lỗ rầm rộ kéo quân vây hãm Trường An. Lòng người bấn loạn, Pháp sự suy vi. Ngài lánh nạn ở miền Đông hạ rồi đến ở kinh sư. Ngài càng siêng năng truy cứu nghĩa văn, mở đạo tràng giảng pháp. Chẳng bao lâu Ngài đến Cô Tô cũng hoằng dương Phật pháp. Bảy giờ Mạnh Nghị người Bình Xương trấn thủ ở Cối Kê, muốn nương tựa đức độ của Ngài mà phái người đến đón Ngài. Sắp đặt lại chùa Linh Gia, Sơn Âm. Thế là Ngài ở lại Chiết Đông giảng luận liên tục. Tăng Ni ở tỉnh thành và Thiện nam tín nữ cùng Ngài kết nhân duyên Bồ-tát, và kính phục con người chuẩn mực của Ngài. Đến giữa niên hiệu Thái thử nhà Tống Ngài được thỉnh về kinh đô để giảng kinh Đại Pháp Cổ. Chẳng bao lâu Ngài trở lại Cối Kê vẫn tiếp tục hoằng dương chánh pháp, hoá độ chúng sanh. Cho rằng kinh Đại Niết-bàn là kinh có lý tốt cùng. Thường canh cánh do dự làm luy thêm cho việc giảng thuyết. Hễ ai mở trai hội phải thỉnh Ngài. Nếu gặp lúc Ngài không rảnh thì đổi ngày. Đến những năm cuối đời, chân đau yếu không ra phó hội. Họ đem thức ăn đến phòng Ngài để mong cầu phước ngầm. Tánh Ngài thích xem kinh, nên miệt mài nghiên cứu. Đến lúc tuổi cao mắt mờ vẫn còn bảo đệ tử đọc kinh Niết-bàn, trong mười ngày hết một thiên. Ngài đam mê kinh điển đến như vậy. Ngài tịch vào giữa niên hiệu Nguyên Huy nhà Tống. Thọ chín mươi bốn tuổi.

Lúc ấy có Pháp sư Đàm Cơ, họ Triệu cũng là người Trường An, gặp lúc giặc dã nổi loạn ở Quan Trung. Ngài lánh nạn sang miền Đông

rồi vân du ngắm sơn thủy, sau đó đến Cối Kê, ngài rất giỏi Pháp Hoa và Tỳ-đàm. Bấy giờ Thế Tông phụng cúng cho Ngài cũng tương đương như ngài Siêu Tiến. Vương Côn làm quận thú Lang Nha thỉnh Ngài về ở chùa Gia Tường ấp Tây. Chùa này vốn do tổ tiên của Vương Côn xây dựng. Thời đó cũng có ngài Thích Đạo Bằng là vị thầy nổi tiếng đương thời. Tánh cứng rắn, cương quyết ít ai luận được.

THÍCH PHÁP TRÂN

Ngài họ Dương, người Hà Đông, tuổi nhỏ mà đã hiểu học, tìm cầu học hỏi cả vạn dặm. Vào giữa niên hiệu Cảnh Bình nhà Tống, Ngài vân du Duyệt Dự quán triệt các kinh, thông thạo dị bộ. Sau đó nghe xứ Đông A có Pháp sư Tĩnh giảng kinh. Chứng nhiều lần thỉnh Ngài thuật lại, song Ngài bảo ta không thể. Giữa niên hiệu Nguyên gia Ngài sang sông, Ngô Hưng thăm tỏ lòng kính trọng đặc biệt. Thỉnh Ngài về ở chùa Tiểu Sơn, Vũ Khang ở Ngô Hưng. Từ đầu đến cuối, khoảng mười chín năm, ngoại trừ người khác cầu thỉnh Pháp sư thì Ngài chưa từng ra khỏi chùa. Mỗi năm ở Vũ Khang mở hội giảng pháp học giả xứ tam Ngô khăn túi chặt đường. Ngài trước tác những bộ nghĩa số như Niết-bàn, Pháp Hoa Đại Phẩm, Thắng-man v.v... ngài ở Đại Minh sáu năm thì được quận Ngô Hưng thỉnh lên kinh sư ở chung với ngài Đạo Du chùa Tân An. Bấy giờ hai nghĩa đồn tiếm đều có tông riêng, Ngài đến thì liền lập đàn giảng pháp. Xa giá quang lâm, thỉnh chúng chặt hội. Tuổi Ngài lúc này tuy đã cao nhưng khổ hạnh không đổi, giới tiết trong sạch. Tăng tục kéo về nương tựa. Ngài mất vào giữa niên hiệu Nguyên huy nhà Tống, thọ bảy mươi sáu tuổi.

Bấy giờ Tống Hi có vị tăng hiệu Đàm Dao rất có sở trường về Tịnh danh, Thập Trụ và Lão Trang. Lại khéo về thảo, lệ, được Kiến Bình Tuyên Giảng Vương Hoằng nhà Tống kính trọng.

THÍCH ĐẠO DU

Ngài là người nước Ngô, lúc đầu làm đệ tử của ngài Đạo Sinh, theo thầy đến Lô Sơn. Sau khi thầy tịch Ngài đến núi Lâm Xuyên, núi Quận, bèn gập quyển kinh Thắng Man mới xuất bản. Ngài lật sách xem

và khen rằng: Nghĩa trước đây của thầy giống với kinh này. Nhưng thời gian không đợi người. Sau khi kinh đã tập nghĩa thì thật đáng buồn thay. Nhân đó mà Ngài chú giải kinh Thắng Man để tỏ lòng tôn kính với di huấn của thầy, tất cả có năm quyển, văn từ chưa chuẩn. Tống Văn Giản hỏi ngài Tuệ Quán nghĩa đốn ngộ ai là người thông thạo. Đáp: Đó là Đạo Du đệ tử của ngài Đạo Sinh. Vua ban chiếu cho thái thú quận Lâm Xuyên thỉnh Ngài về kinh, khi đến nơi thì rước vào nội cung, triệu tập đông đảo tăng chúng và thỉnh Ngài trình bày nghĩa lý đốn ngộ. Khi ấy những kẻ tranh luận cùng nhau khởi lên. Ngài tra cứu kỹ lưỡng những lẽ mâu nhiệm lại còn tìm tòi nguồn cội của nó (có chứng cứ) nhân cơ hội đó Ngài dùng lời lẽ sắc bén đánh đổ mọi lý lẽ. Vua vô ghes khen hay. Cho đến khi Hiếu Vũ lên ngôi thì càng tỏ lòng kính trọng Ngài hơn. Vua liền sắc phong Ngài trụ trì chùa Tân An và làm pháp chủ ở Trấn tự. Vua thường khen rằng: Đạo Sanh cô tình tuyệt chiếu (tài ba xuất chúng), Đạo Du trực bí độc thượng (trác tuyệt hơn người), đáng gọi là bậc thầy tuyệt luân, không hổ tiếng thơm. Ngài mất vào giữa niên hiệu Nguyên huy nhà Tống, thọ bảy mươi một tuổi. Sau này có Sa-môn Đạo Từ ở Dự châu rất giỏi các kinh Duy-ma, Pháp Hoa. Noi theo nghĩa của ngài Đạo Du sửa chữa lại bộ chú giải Thắng-man của Ngài làm hai quyển, đến nay vẫn còn lưu hành ở đời. Đương thời có các vị Tuệ Chính ở Đa Bảo, Giác Thế ở Trường Lạc đều là những bậc tài ba đức hạnh như Ngài. Tuệ Chính rất thông thạo tam luận, được các học giả sùng phụng. Giác Thế có sở trường về Đại Phẩm và kinh Niết-bàn. Đề ra nghĩa không, giả, danh.

THÍCH TUỆ THÔNG

Ngài họ Lưu người nước Phái, tuy còn nhỏ mà thần tuệ minh mẫn, khí khái cao vợi. Ngài ở chùa Trì Thành. Mỗi khi phát trần vừa phẩy lên thì xe lọng đầy đường. Viên Xán ở Trần Quận và Từ Trạm chi ở Đông Hải kính lễ Ngài bằng tình sư hữu. Hiếu Võ Hoàng đế càng tỏ ra sùng kính hơn. Đồng thời sắc phong làm bạn với nhị vương Hải Lăng Tiểu Kiến Bình. Viên Xán soạn quyển Cừ Nhan Luận để tỏ bày với Thông. Tuệ Thông cật vấn nhiều lần. Quyển ấy còn truyền ở đời. Lại còn soạn quyển nghĩa số Đại Phẩm Thắng-man, Tạp Tâm Tỳ-đàm và Tuấn Di Hạ Luận. Chứng Luận, Pháp Tánh Luận còn lưu hành ở đời. Ngài tịch vào khoảng niên hiệu Thăng Minh nhà Tống, thọ sáu mươi ba tuổi.